

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND (VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF)

Chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán lần đầu ra công chúng

1. Tên của Quỹ: **QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND**

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số: 3.28/4CN-4BCK...do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 13/07/2026

2. Loại hình Quỹ: Quỹ ETF

3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:/...../2026

4. Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch:/...../2026

5. Tiêu đề của Bản cáo bạch: Bản cáo bạch quỹ ETF - Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND (VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF)

6. Thông cáo nội dung:

"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày tháng năm 2026"

7. Người phụ trách công bố thông tin:

Ông: **Phạm Pho Hop** - Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên hệ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3823 9909

Fax: (84-28) 3824 6329

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp: các tài liệu này được cung cấp trên trang điện tử của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt ("VCAM"), tại văn phòng của VCAM và các Đại lý phân phối như danh sách trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch.

Địa chỉ Văn phòng của VCAM: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3823 9909

Fax: (84-28) 3824 6329

Website: www.vietcapital.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt	5
2. Ngân hàng giám sát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA.....	6
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	9
1. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô	9
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	11
3. Quỹ hoán đổi danh mục.....	12
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	12
1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ	12
2. Tổng quan về Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt	13
3. Tình hình hoạt động của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt	16
4. Thông tin về Người điều hành của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND	17
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	17
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	18
VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	18
VIII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	18
IX. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	18
1. Ủy quyền Đại lý chuyển nhượng.....	18
2. Ủy quyền Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư	19
X. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	19
1. Thông tin chung về Quỹ	19
2. Điều lệ Quỹ tóm tắt	23
2.1. Các điều khoản chung – Nguyên tắc hoạt động chung của Quỹ	23
2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư	24
2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ quỹ đầu tư.....	31
2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ	34
2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	34
2.6. Thông tin về các chi phí/giá dịch vụ mà Quỹ phải trả.....	36
2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế.....	38
2.8. Đại hội Nhà đầu tư	39
2.9. Ban đại diện Quỹ.....	41
2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ.....	44
2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát	48
2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	50
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	50
3.1. Rủi ro thị trường.....	50

3.2.	Rủi ro lãi suất	50
3.3.	Rủi ro lạm phát	51
3.4.	Rủi ro thanh khoản	51
3.5.	Rủi ro pháp lý	51
3.6.	Rủi ro tín nhiệm	51
3.7.	Rủi ro xung đột lợi ích	51
3.8.	Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể	51
3.9.	Rủi ro định giá	51
3.10.	Rủi ro liên quan đến giải thể bắt buộc	52
3.11.	Rủi ro cá biệt	52
3.12.	Rủi ro tỷ giá	52
3.13.	Rủi ro bất khả kháng	52
3.14.	Rủi ro liên quan đến chiến lược đầu tư thụ động	52
3.15.	Rủi ro sai lệch của Giá trị tài sản ròng so với Chỉ số tham chiếu	53
3.16.	Rủi ro khi thực hiện hoàn đổi Chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu	53
3.17.	Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ với Giá trị tài sản ròng/Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ (Giao dịch thứ cấp)	53
3.18.	Rủi ro ngừng công bố hoặc hủy bộ Chỉ số tham chiếu	53
3.19.	Rủi ro hủy niêm yết	53
3.20.	Rủi ro chào bán không thành công (đối với đợt phát hành lần đầu)	53
XI.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	54
1.	Căn cứ pháp lý	54
2.	Phương án phát hành lần đầu ra công chúng	55
2.1.	Thông tin chung về phương án phát hành lần đầu ra công chúng	55
2.2.	Tiêu chí, điều kiện đối với đối tượng tham gia giao dịch góp vốn thành lập Quỹ	58
2.3.	Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập Quỹ và trường hợp bổ sung bằng tiền	58
2.4.	Quy trình thực hiện phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu	60
2.4.1.	Công ty quản lý quỹ thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu	60
3.	Giao dịch Chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo (Giao dịch sơ cấp)	67
3.1.	Đối tượng tham gia Giao dịch hoán đổi	67
3.2.	Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện Giao dịch hoán đổi	67
3.3.	Phương thức đặt lệnh giao dịch hoán đổi, sửa/hủy lệnh giao dịch hoán đổi	68
3.4.	Tần suất giao dịch và thời gian Giao dịch hoán đổi	68
3.5.	Trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền	69
3.6.	Thời điểm chốt kiểm tra tiền và số lượng chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi, giao dịch hoán đổi không hợp lệ	69
3.7.	Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ	70
3.8.	Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu	74
3.9.	Xử lý các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư	76

3.10. Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi.....	77
3.11. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối mua Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư	78
3.12. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phí thương mại.....	78
3.13. Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký và tuân thủ	79
4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng	80
5. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết.....	80
5.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ trên HOSE.....	80
5.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE	80
XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	81
1. Báo cáo tài chính	81
2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ	81
3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động	81
3.1. Giá dịch vụ giao dịch.....	81
3.2. Chi phí/giá dịch vụ điều hành và quản lý Quỹ	82
4. Các chỉ tiêu hoạt động.....	83
5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	83
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	84
7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	84
XIII.XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	84
XIV.CAM KẾT.....	85
XV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	85
PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	86
Giao dịch hoán đổi (giao dịch sơ cấp)	86
Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE (giao dịch thứ cấp)	86
PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH, ĐỊA CHỈ CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH.....	87
PHỤ LỤC 3. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN.....	89
PHỤ LỤC 4. CÁC MẪU ĐƠN GIAO DỊCH ĐÍNH KÈM	90
PHỤ LỤC 5. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ	91

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt

Bà Nguyễn Thanh Phương

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Pho Hop

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh

(Theo Quyết định ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt ("VCAM") lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND ("VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF") xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân hàng giám sát trong Bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt - là Công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, và theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do VCAM cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành, mua lại và lưu hành Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam.
“Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh” (HOSE)	Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND” hoặc “Chứng chỉ quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND. Mệnh giá một (01) Chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) Đồng Việt Nam.
“Lô chứng chỉ quỹ”	Là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế Hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Một Lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ hoặc một số lượng Chứng chỉ quỹ khác được Công ty quản lý quỹ điều chỉnh tùy từng thời điểm nhưng vẫn phải đảm bảo một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ.
“Chỉ số tham chiếu” hoặc “Chỉ số VNDIVIDEND” (VNDIVIDEND)	Là chỉ số “VNDIVIDEND” do HOSE xây dựng và quản lý, bao gồm các cổ phiếu thành phần trên HOSE có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt, đáp ứng đầy đủ các điều kiện sàng lọc và các tiêu chí theo quy định trong quy tắc chỉ số. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chứng khoán cơ cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô chứng chỉ quỹ.
“FATCA”	Là Đạo luật Tuân Thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Mỹ ngày 10/03/2010 và có hiệu lực ngày 01/07/2014
“Công ty kiểm toán”	Là một Công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, chấp thuận theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
“Công ty quản lý quỹ”	Là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được

sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). VCAM được ủy thác quản lý Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.

“Đại hội Nhà đầu tư”

Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và tại Điều lệ Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Điểm nhận lệnh”

Là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Đại lý phân phối hoặc Thành viên lập quỹ được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư.

“Điều lệ Quỹ” hay “Điều lệ”

Là Điều lệ Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) được Đại hội Nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

“Giá giao dịch hoán đổi”

Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và ngược lại.

Giá giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một Lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là **“Giá phát hành”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng với Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Giá giao dịch hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là **“Giá mua lại”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi trừ đi Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

“Giá dịch vụ mua lại”

Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

“Giá dịch vụ phát hành”

Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”

Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ như quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Lệnh giao dịch hoán đổi”

Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ; và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.

“Giá trị tài sản ròng” hoặc “NAV”

Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.

“Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ”

Bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.

“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ” hoặc “iNAV”	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, được xác định trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi HOSE. iNAV là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch.
“Hoán đổi danh mục”	Là việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán đổi danh mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch này.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Ngày làm việc”	Là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật) mà tại ngày đó thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện.
“Ngày định giá”	Là một Ngày làm việc mà tại ngày đó Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Người có liên quan”	Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, có sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.
“Quỹ” hoặc “ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND”	Là Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
“Thành viên lập quỹ”	Là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND với Công ty quản lý quỹ.

“Thời điểm đóng sổ lệnh”

Là thời điểm cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận Lệnh giao dịch hoán đổi để thực hiện vào Ngày giao dịch hoán đổi tương ứng.

Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ của Quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của HOSE.

“Tổ chức tạo lập thị trường”

Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.

“Sổ tay định giá”

Là tài liệu do Công ty quản lý quỹ lập ra được Ban đại diện Quỹ phê duyệt nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật.

“Vốn điều lệ”

Là tổng số vốn bằng tiền do các Nhà đầu tư thực góp trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ.

“UBCKNN”

Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định trong Luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều lệ hoặc Bản cáo bạch này

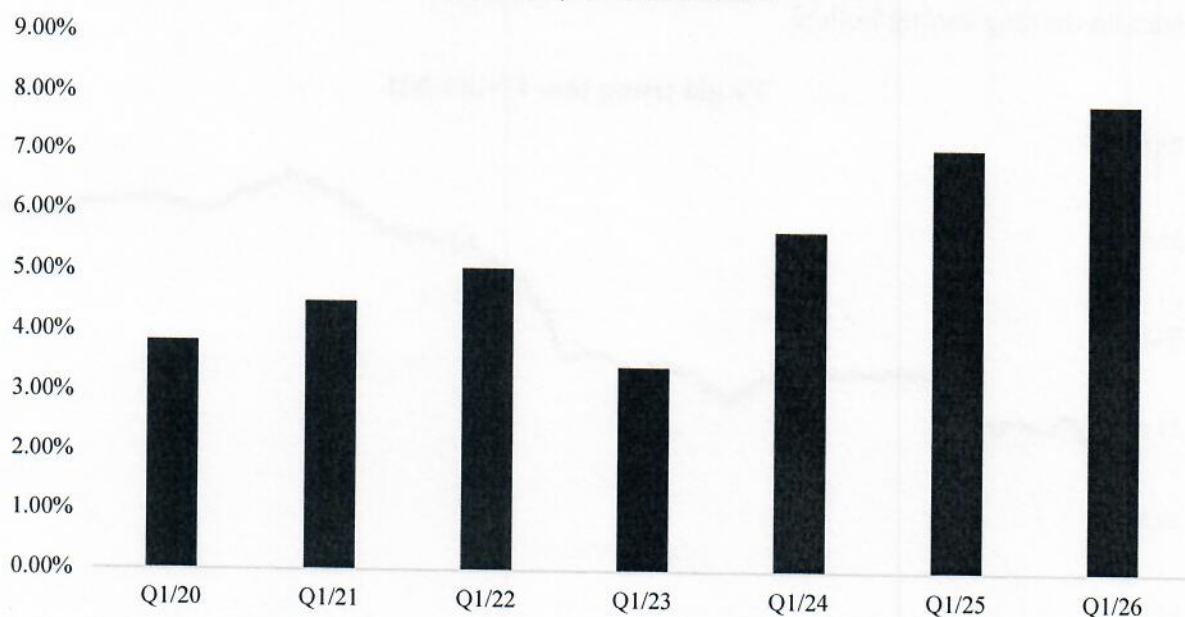
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

GDP quý I/2026 đạt 7,83% giữa “vòng xoáy” xung đột Trung Đông

GDP quý I/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước (so với mức 7,07% của quý I/2025), cho thấy đã phục hồi tiếp tục được duy trì. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,58%, đóng góp 5,60% vào tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,92%, đóng góp 44,08%; trong khi khu vực dịch vụ tăng 8,18% và tiếp tục là động lực chính khi đóng góp 50,32%.

GDP Quý I từ 2020-2026

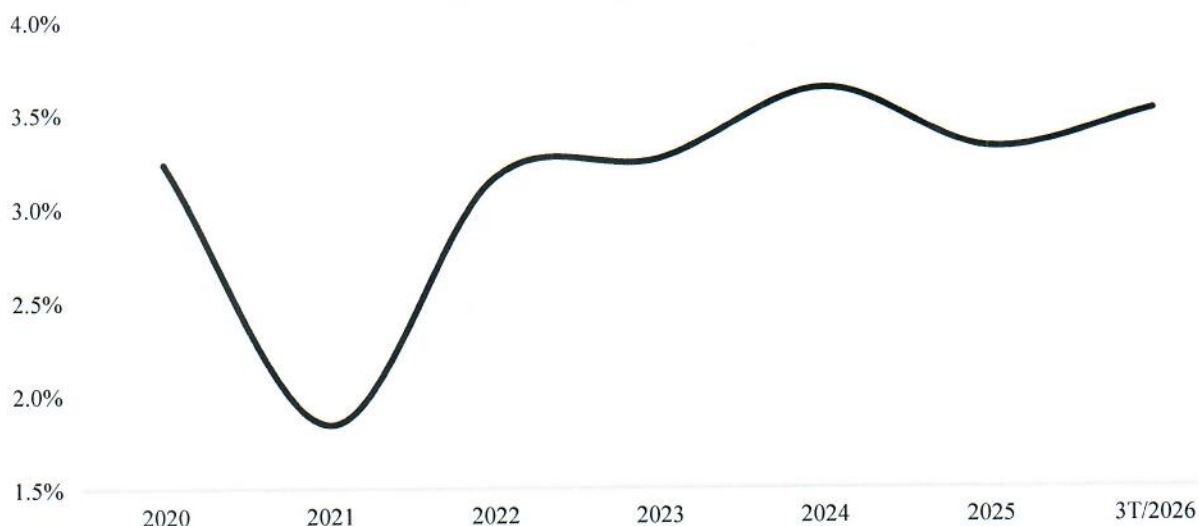


Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát quý I/2026 được kiểm soát, áp lực giá tăng cuối kỳ

Tính chung quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tăng 3,63%, cho thấy áp lực giá vẫn trong tầm kiểm soát. CPI tăng dần qua các tháng, từ mức 2,94% trong 2 tháng đầu năm lên 4,65% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 3 – cao nhất trong 5 năm, chủ yếu do giá xăng dầu và chi phí vận tải leo thang. Dù vậy, lạm phát nhìn chung vẫn ổn định, tạo dư địa cho chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng. Quốc hội đặt mục tiêu kiểm soát CPI năm 2026 ở mức 4–4,5%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) qua các năm



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Tỷ giá duy trì áp lực tăng trong quý I/2026, chính sách tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng

Chỉ số sức mạnh USD (Dollar Index-DXY) tiếp tục xu hướng tăng quanh mức 99 đến 100 (tăng 2% từ đầu năm 2026) trong khi tỷ giá USD/VND vẫn đang ở mức cao. Tỷ giá trung tâm đạt mức 25.102 tính đến 31/03/2026, tăng 0,23% so với cuối tháng 2 nhưng giảm nhẹ 0,08% so với cuối năm 2025. Tỷ giá niêm yết tại Vietcombank dao động quanh 26.107 – 26.357 VND/USD, cho thấy diễn biến tương đối ổn định nhờ cơ chế điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước. Ở chiều ngược lại, mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng từ cuối năm 2025. Nhìn chung, trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cân bằng giữa ổn định tỷ giá và duy trì mặt bằng lãi suất hợp lý nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tỷ giá trung tâm USD/VND



Nguồn: Fiiipro

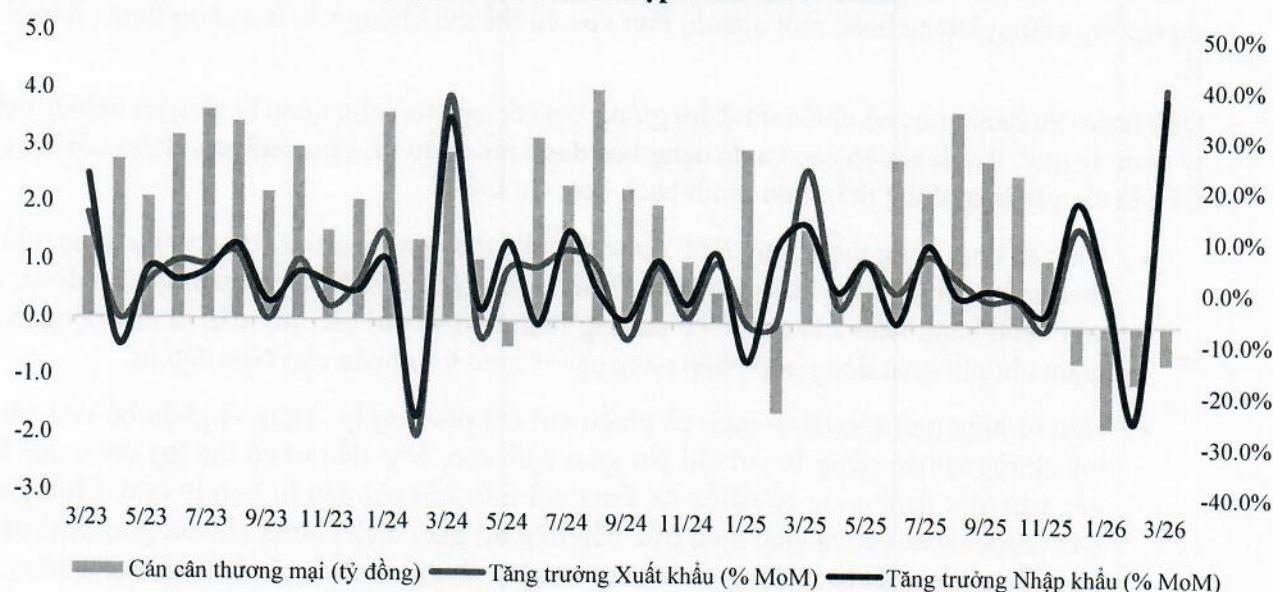
Cán cân thương mại đảo chiều trong quý I/2026

Hoạt động xuất nhập khẩu trong quý I/2026 tiếp tục tăng trưởng tích cực, tuy nhiên cán cân thương mại đã ghi nhận sự đảo chiều. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 126,57 tỷ USD, tăng 27,0% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của xuất khẩu, dẫn đến nhập siêu 3,64 tỷ USD, trong khi cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,57 tỷ USD.

Xét theo khu vực, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,73 tỷ USD, trong khi khu vực FDI tiếp tục xuất siêu 7,09 tỷ USD, cho thấy vai trò chủ đạo của khối FDI trong cán cân thương mại.

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch 39,0 tỷ USD, trong khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với 50,1 tỷ USD, kéo theo mức nhập siêu từ Trung Quốc lên tới 33,3 tỷ USD, tăng mạnh so với cùng kỳ. Nhìn chung, cán cân thương mại trong quý I/2026 chịu áp lực rõ rệt khi nhập khẩu tăng mạnh phục vụ sản xuất, trong bối cảnh môi trường thương mại toàn cầu còn nhiều biến động.

Tình hình xuất-nhập khẩu 2023-2026



Nguồn: Tổng cục thống kê

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Diễn biến thị trường chứng khoán

Tính đến ngày 31/3/2026, VNIndex đạt 1.674,49 điểm, giảm 6,2% so với cuối năm 2025, trong khi vốn hóa thị trường ước đạt 9.613,6 nghìn tỷ đồng, giảm 3,6%, phản ánh nhịp điều chỉnh sau giai đoạn tăng trưởng trước đó.

Ở chiều ngược lại, thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân quý I đạt 35.043 tỷ đồng/phần, tăng 19,8% so với bình quân năm 2025, cho thấy dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, đà tăng chưa thực sự bền vững khi dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số nhóm cổ phiếu, thiếu sự lan tỏa trên diện rộng.

Riêng trong tháng 3/2026, thị trường chịu áp lực điều chỉnh dưới tác động của các yếu tố địa chính trị toàn cầu, khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn. Dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang các nhóm cổ phiếu phòng thủ, trong khi biến động tỷ giá và giá hàng hóa gia tăng rủi ro cho thị trường.

Xét về diễn biến giá từ đầu năm 2026, nhóm Dầu khí (tăng 47,67% so với đầu năm), nhóm Viễn thông (tăng 33,74% so với đầu năm) và nhóm Nguyên vật liệu (tăng 19,86% so với đầu năm) là những ngành tăng tốt nhất. Bên cạnh đó, vẫn có một số nhóm ngành có mức tăng trưởng kém hơn như Công nghệ thông tin (giảm 20,62% so với đầu năm) và Dịch vụ tiêu dùng (giảm 9,45% so với đầu năm).

Triển vọng đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán năm 2026 đối diện với thách thức của việc lãi suất huy động tăng và dư địa của việc duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng còn ít. Tuy nhiên, việc đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 2 chữ số trong các năm tiếp theo cùng với việc đẩy mạnh đầu tư công ở các dự án điện và dầu khí cũng là một điểm sáng hỗ trợ tăng trưởng trong năm nay. Đi cùng với đó, điểm sáng lớn đến từ việc thị trường Việt Nam đã chính thức được nâng hạng, mở ra cơ hội thu hút dòng vốn ngoại quy mô lớn từ các quỹ đầu tư theo chỉ số và chủ động. Đây sẽ là cú hích tâm lý cho nhà đầu tư trong ngắn hạn và góp phần cải thiện thanh khoản, định giá toàn thị trường trong dài hạn.

3. Quỹ hoán đổi danh mục

Quỹ hoán đổi danh mục (“quỹ ETF”) là sản phẩm đầu tư ngày càng phát triển trên thị trường chứng khoán toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Quỹ hoán đổi danh mục là quỹ đầu tư mô phỏng biến động của một Chỉ số tham chiếu cụ thể, có thể là chỉ số cổ phiếu, chỉ số trái phiếu hoặc các chỉ số tài sản khác. Chỉ số tham chiếu cổ phiếu thường đại diện cho thị trường chứng khoán, hoặc một ngành nghề, lĩnh vực nhất định. Đầu tư vào quỹ hoán đổi danh mục là cách đơn giản và hiệu quả để tham gia vào thị trường chứng khoán hoặc một ngành, lĩnh vực cụ thể mà không cần lựa chọn từng cổ phiếu riêng lẻ.

Quỹ hoán đổi danh mục có nhiều ưu điểm giống với các quỹ mở như quản lý chuyên nghiệp bởi Công ty quản lý quỹ, thanh khoản cao và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, điểm nổi bật của quỹ ETF là chi phí hoạt động thấp tính minh bạch cao. Cụ thể:

- Chi phí hoạt động thấp: Quỹ ETF được thiết kế theo phương thức đầu tư thụ động, mô phỏng theo một Chỉ số tham chiếu cố định. Nhờ không yêu cầu đội ngũ quản lý chủ động, chi phí vận hành hàng năm của quỹ ETF thường thấp hơn so với các quỹ đầu tư chủ động. Việc tiết giảm chi phí hoạt động góp phần nâng cao tỷ suất lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- Đầu tư hiệu quả vào danh mục cổ phiếu với chi phí hợp lý: Thay vì phân bổ vốn vào nhiều mã chứng khoán riêng lẻ với chi phí giao dịch cao, Nhà đầu tư có thể lựa chọn quỹ ETF để tiếp cận một danh mục cổ phiếu đa dạng với mức chi phí đầu tư hợp lý hơn. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trực tiếp trên Sở giao dịch chứng khoán, giúp Nhà đầu tư dễ dàng thực hiện các hoạt động mua/bán tương tự như giao dịch cổ phiếu thông thường.
- Tính minh bạch cao: Danh mục đầu tư của quỹ ETF được công bố công khai, minh bạch và thường xuyên. Nhà đầu tư có thể dễ dàng nắm bắt thông tin về cơ cấu tài sản của quỹ trước khi thực hiện giao dịch mua hoặc bán, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp.
- Quản lý chuyên nghiệp: Thông qua việc đầu tư vào quỹ ETF, Nhà đầu tư được hưởng lợi từ năng lực quản lý của đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và am hiểu thị trường. Việc quản lý tài sản được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bài bản, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tính thanh khoản cao: Khi có nhu cầu, Nhà đầu tư có thể dễ dàng bán lại Chứng chỉ quỹ ETF cho Công ty quản lý quỹ đối lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu (giao dịch sơ cấp) hoặc bán trực tiếp trên sàn giao dịch (giao dịch thứ cấp) với mức giá được đảm bảo gần với Giá trị tài sản ròng của Quỹ (nhờ hoạt động tạo lập thị trường).

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

- Tên bằng tiếng Việt: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt
- Tên bằng tiếng Anh: Viet Capital Asset Management Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VCAP

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) Đồng Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3823 9909 Fax: (84-28) 3824 6329

2. Tổng quan về Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt

Thành lập vào cuối năm 2006, VCAM luôn đồng hành cùng các Nhà đầu tư trong quá trình đi tới thành công. Với đội ngũ nhân lực bản địa có trình độ đẳng cấp quốc tế, cùng ước vọng nhiệt huyết của tuổi trẻ, VCAM phấn đấu trở thành một trong những Công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam.

VCAM đã có kinh nghiệm quản lý quỹ thành viên; công ty từng quản lý 02 (hai) quỹ là Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt. *(Các quỹ này hiện đã hết thời hạn hoạt động)*. Hiện tại, song song với việc quản lý quỹ mở Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF”), Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt (“VCAMFI”), Quỹ Đầu Tư Bản Việt Discovery (“VCAMDF”), VCAM còn thực hiện đầu tư mạo hiểm vốn trong nước thông qua quỹ Việt Capital Ventures, quản lý danh mục ủy thác và đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

2.1. Hội đồng quản trị / Ban lãnh đạo VCAM

Bà Nguyễn Thanh Phụng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phụng hiện là thành viên sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM), với gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ và ngân hàng đầu tư. Bà còn đảm nhiệm vai trò là Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Đổi mới tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank). Đồng thời, bà cũng là thành viên sáng lập của Phoenix Holdings, công ty chuyên đầu tư vào công nghệ tài chính, ngân hàng số, bất động sản, bán lẻ, F&B và thể thao.

Với danh mục đầu tư đa dạng, Bà Phụng chịu trách nhiệm chính về việc xây dựng tầm nhìn, định hướng chiến lược kinh doanh, mô hình quản trị; đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành của các định chế tài chính và công ty nhằm mục tiêu trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam thuộc Tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ và Giám đốc Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Holdings Asset Management.

Ngoài những hoạt động đầu tư và kinh doanh, bà còn đam mê và nỗ lực để phát triển bộ môn bóng rổ tại Việt Nam. Bà là thành viên sáng lập và hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bóng rổ Việt Nam (VBA) – công ty tổ chức các giải bóng rổ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Bà đang giữ vai trò Chủ tịch tại Việt Nam của Tổ chức Live to Love International – tổ chức thiện nguyện quốc tế triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục, dịch vụ y tế và cải thiện môi trường sống tại các địa phương khó khăn. Bà còn là Thành viên Ban cố vấn của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam).

Ông Phạm Gia Tuấn

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Tuấn từng là Tổng Giám Đốc của VCAM, đồng thời đảm nhiệm vai trò Giám đốc Điều hành Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (“VCHF”). Ông Tuấn chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh chung của VCAM, trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Bên cạnh vai trò điều hành VCHF, ông Tuấn còn chịu trách nhiệm quản lý các quỹ đầu tư quốc tế. Ông Tuấn cũng góp phần tham gia hoạch định chiến lược phát triển, quan hệ Nhà đầu tư, hoạt động huy động vốn thành lập quỹ.

Ông Tuấn từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital trong giai đoạn 2005-2007, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.

Trước khi gia nhập VCAM và VinaCapital, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như PricewaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam.

Ông Tuấn tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia) và hiện đang là Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên công chứng Australia (FCPA Australia).

Ông Nguyễn Hoàng Bảo

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Bảo hiện đang là Chủ tịch của Phoenix Holdings - chuyên đầu tư tập trung vào kinh doanh và vận hành trong các lĩnh vực công nghệ, bán lẻ/tiêu dùng, dịch vụ tài chính, giáo dục, truyền thông và thể thao & giải trí. Trước khi gia nhập Phoenix, ông từng là Tổng Giám đốc Điều hành của IDG Ventures Vietnam – quỹ mạo hiểm và là quỹ đóng đầu tiên của Việt Nam chuyên đầu tư vào mảng hàng tiêu dùng, công nghệ thông tin, truyền thông và thương mại điện tử. Ngoài 2 chức vụ trên, ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam cũng như Chủ tịch Điều hành của Timo – ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam.

Với niềm đam mê sâu sắc đối với thể thao, ông thành lập đội bóng rổ chuyên nghiệp Saigon Heat vào năm 2011, là đối thủ cạnh tranh trong Giải bóng rổ nhà nghề Đông Nam Á (ABL). Ông còn là Chủ tịch của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam (VBF), và gần đây được bổ nhiệm làm Chủ tịch của Hiệp hội Bóng rổ Đông Nam Á. Ngoài các hoạt động thể thao của mình tại Việt Nam, ông cũng là đồng sở hữu CLB Los Angeles FC (LAFC), câu lạc bộ mới nhất thành công trong Major League Soccer (MLS).

Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của chương trình Asia 21 Fellow của Hiệp hội Châu Á. Ông đã nhận được nhiều danh hiệu cao quý, trong đó có danh hiệu “Asia Game Changer” do Hiệp hội Châu Á trao tặng vì vai trò lãnh đạo của ông trong việc kết nối các nền văn hóa thông qua các sáng kiến về chính sách, kinh doanh, nghệ thuật và giáo dục. Ông cũng được vinh danh với Giải thưởng Nhân đạo John Connor năm 2015 của Quỹ phẫu thuật nụ cười Operation Smile nhờ những đóng góp sâu sắc của mình trong vai trò Chủ tịch Hội đồng Cố vấn của Operation Smile Việt Nam.

Là người hết lòng ủng hộ việc cải thiện giáo dục tại Việt Nam, ông là một trong những người sáng lập Hội đồng Quản trị của Đại học Fulbright Việt Nam (FUV), cơ sở giáo dục đại học tư thực phi lợi nhuận đầu tiên của Việt Nam. Ông Henry hiện cũng là Chủ tịch Câu lạc bộ Cựu sinh viên Harvard

tại Việt Nam và từng là thành viên Hội đồng Quản trị của Đại học Anh Quốc tại Việt Nam.

Ông Cung Trần Việt

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Trước khi được bổ nhiệm, ông là Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích Đầu tư. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi Trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là Giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với các công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.

Ông Việt tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Sydney, đồng thời là Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ).

Ông Phạm Pho Hop

Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Pho Hop hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông phụ trách các dự án Private Equity M&A của Công ty. Ông có 11 (mười một) năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam.

Trước khi gia nhập VCAM, ông Pho Hop giữ chức vụ Phó Chủ tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như hotdeal.vn, Nhaccuatui.com và webtretho.com,...

Trước đó ông có 05 (năm) năm là Cố vấn Cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ, Quản trị Hành chính Công (MPA), chuyên ngành Quản trị Công nghệ Thông tin ("IT Management Emphasis") và học Cử nhân Khoa học Máy tính và Quan hệ Quốc tế, trường Đại học Nam California (University of Southern California), Hoa Kỳ.

2.2. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng đầu tư của Công ty quản lý quỹ bao gồm 04 (bốn) thành viên, là các chuyên gia trong hoạt động đầu tư. Hội đồng đầu tư có chức năng phê duyệt các khoản đầu tư và thoái vốn của Quỹ

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thanh Phụng	Chủ tịch Hội đồng Đầu tư
2	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng Đầu tư
3	Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng Đầu tư
4	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên Hội đồng Đầu tư

2.3. Cổ đông của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt

2.3.1 Cổ đông góp vốn khi thành lập:

STT	Tên Cổ Đông	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thanh Phụng	40.000	50%
2	Nguyễn Khánh Linh	36.000	45%
3	Công ty Cổ phần Dầu nhớt và Hóa chất Việt Nam	4.000	5%

2.3.2. Cổ đông góp vốn sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ hiện tại:

STT	Tên Cổ Đông	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thanh Phụng	4.943.934	24,7%
2	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	2.660.234	13,3%
3	Lưu Công Toại	1.570.559	7,9%
4	Lê Đào Phương Trang	1.563.904	7,8%
5	Trần Thị Mỹ Hằng	1.790.836	9,0%
6	Nguyễn Lâm Trung Anh	1.683.692	8,4%
7	Trần Bích Nga	1.397.531	7,0%
8	Nguyễn Hoàng Bảo	1.132.666	5,7%
9	Lê Hồng Phúc	1.052.807	5,3%

3. Tình hình hoạt động của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt

Thành lập từ năm 2006, VCAM là một trong số những Công ty quản lý quỹ ra đời đầu tiên ở Việt Nam. Với số vốn điều lệ ban đầu 8.000.000.000 (tám tỷ) Đồng Việt Nam, tới nay VCAM đã tăng quy mô vốn điều lệ lên 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) Đồng Việt Nam, thực hiện quản lý các quỹ đầu tư nội địa, đầu tư vốn mạo hiểm nội địa, cùng các danh mục uỷ thác đầu tư. Với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, VCAM trở thành Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chuyên nghiệp. Qua quá trình hoạt động, VCAM đã đạt được một số kết quả như sau:

(tỷ Đồng Việt Nam)	2021	2022	2023	2024	2025
Vốn điều lệ	130,0	130,0	130,0	130,0	200,0
Tổng tài sản	228,3	203,8	204,8	223,0	239,3
Doanh thu	62,1	30,2	32,4	42,5	60,4
Lợi nhuận sau thuế	21,9	(16,73)	1,2	4,0	6,3

Các quỹ khác hiện đang được quản lý bởi VCAM

Tên quỹ	Loại hình quỹ	Giá trị tài sản ròng của Quỹ 31/12/2024 (Đồng Việt Nam)	Giá trị tài sản ròng của Quỹ 31/12/2025 (Đồng Việt Nam)
Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt (VCAMBF)	Quỹ mở	123.975.994.784	155.556.615.801
Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt (VCAMFI)	Quỹ mở	71.443.851.520	46.463.895.272
Quỹ Đầu Tư Bản Việt Discovery (VCAMDF)	Quỹ mở	48.744.767.189	50.378.399.000

Dịch vụ quản lý danh mục ủy thác đầu tư

Hiện tại VCAM đang quản lý tài sản cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức với danh mục đầu tư bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết.

Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong tương lai.

4. Thông tin về Người điều hành của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND

Bà Trương Thị Thanh Ngọc Gia nhập VCAM từ năm 2017, bà Thanh Ngọc phụ trách việc phân tích và nghiên cứu đầu tư của Quỹ. Bà Thanh Ngọc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng với các vị trí Trưởng bộ phận Giám sát tại Ban Kiểm soát Nội bộ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); sau đó là Trưởng bộ phận Phân tích và Kế hoạch thuộc Khối Chiến lược Phát triển của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK). Tại đây, bà phụ trách các hoạt động về nghiên cứu thị trường, đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng, nhằm xây dựng mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng với sự tư vấn của các Chuyên gia Cấp cao đến từ Ngân hàng Maybank, Malaysia – Cổ đông chiến lược của ABBANK.

Bà Thanh Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Tín dụng tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, và Cao học Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Bolton, UK.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

Bà Ngọc Mỹ gia nhập VCAM vào năm 2007. Từ đó đến nay, bà đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài chính và đầu tư. Trong thời gian đầu làm việc tại công ty, bà phụ trách mảng kế toán quỹ và hành chính nhân sự. Với tinh thần trách nhiệm cao cùng sự tận tâm, bà đã có được sự ghi nhận hiệu quả trong việc quản lý tài chính, đảm bảo tính minh bạch và chính xác cho bộ phận này của công ty.

Từ tháng 01/2020, bà Ngọc Mỹ chuyển sang bộ phận đầu tư của công ty. Với vị trí này, bà Ngọc Mỹ có tinh thần nắm vững xu hướng thị trường, đồng thời tiếp tục tìm kiếm những thông tin đầu tư tiềm năng giữa những rủi ro. Bà phụ trách việc nghiên cứu và phân tích để tìm ra những điểm mạnh và ưu thế của VCAM trên thị trường; từ đó xây dựng, hỗ trợ các chiến lược đầu tư của công ty một cách hiệu quả để cạnh tranh trên thị trường.

Bà Mỹ tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Mở Bán Công Thành phố Hồ Chí Minh và có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003.
- Trụ sở chính: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: (84-28) 38218812 Fax: (84-28) 39144714
- Lĩnh vực hoạt động chính: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của Ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Danh sách Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có) được trình bày tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch.

Trường hợp có sự thay đổi (bổ sung hoặc giảm bớt) liên quan đến Thành viên lập quỹ và Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có), Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin và cập nhật danh sách đầy đủ trên website: <http://vietcapital.com.vn>.

VIII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND được phân phối tại các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ có ký hợp đồng Đại lý phân phối với Công ty quản lý quỹ.

Danh sách Đại lý phân phối được trình bày tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch.

Trường hợp có sự thay đổi (bổ sung hoặc giảm bớt) liên quan đến Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin và cập nhật danh sách đầy đủ trên website: <http://vietcapital.com.vn>.

IX. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Ủy quyền Đại lý chuyển nhượng

- Tên đại lý: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- Trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội
- Quyết định thành lập: 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
- Điện thoại: (+84) 24 39747113
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền:
 - Dịch vụ liên quan đến việc góp vốn lập quỹ lần đầu;
 - Dịch vụ liên quan đến đăng ký, thực hiện quyền đối với Chứng chỉ quỹ ETF;
 - Dịch vụ liên quan đến Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;
 - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
 - Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
 - Hỗ trợ Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ;
 - Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
 - Chi phí phải thanh toán cho dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được quy định chi tiết tại điểm 2.6.d Chương X của Bản cáo bạch.
- 2. Ủy quyền Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư**
- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
 - Trụ sở chính: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOT số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
 - Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.
 - Điện thoại: (84-28) 38218812 Fax: (84-28) 39144714
 - Lĩnh vực hoạt động chính:
 - Hạch toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ Quỹ cung cấp hồ sơ, chứng từ cho tổ chức kiểm toán của Quỹ để thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.
 - Chi phí phải thanh toán cho dịch vụ quản trị quỹ được quy định chi tiết tại điểm 2.6.c Chương X của Bản cáo bạch

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

X. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ bằng tiếng Việt: Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND
- Tên Quỹ bằng tiếng Anh: VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF
- Tên viết tắt: VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF
- Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 328/GCN-UBCK ngày 13/07/2026

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ

VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: ngày...../...../2026

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

- Loại hình: Quỹ hoán đổi danh mục hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE.
- Thời hạn của Quỹ: không giới hạn thời gian hoạt động; và được tính từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng

1.5. Giới thiệu về chỉ số tham chiếu Vietnam Dividend Growth Index (VNDIVIDEND)

- Vietnam Dividend Growth Index (VNDIVIDEND) là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM xây dựng và quản lý, phản ánh biến động giá của nhóm cổ phiếu niêm yết có chính sách chi trả cổ tức ổn định và tăng trưởng trên thị trường.
- Rổ chỉ số VNDIVIDEND bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu và tối đa 20 cổ phiếu chỉ số bao gồm các cổ phiếu được lựa chọn dựa trên các tiêu chí sàng lọc về thanh khoản, giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float, lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt, tỷ suất cổ tức và mức độ tuân thủ các quy định niêm yết. Các cổ phiếu thành phần được xem xét, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo chỉ số duy trì tính đại diện cao cho nhóm doanh nghiệp có chất lượng cổ tức tốt, phù hợp với chiến lược đầu tư thu nhập ổn định và dài hạn.

1.5.1. Định nghĩa và khái niệm

- Giá trị vốn hóa (GTVH): là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày trong 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTVH được tính là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f): là $GTVH \times \text{tỷ lệ free-float}$ chưa làm tròn.
- Giá trị giao dịch (GTGD): là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Giá trị giao dịch hàng ngày bao gồm giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận.
- Giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGD_{KL}): là bình quân của trung vị giá trị giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Khối lượng giao dịch khớp lệnh (KLGD_{KL}): là bình quân của trung vị khối lượng giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTGD, GTGD_{KL} và KLGD_{KL} được tính lần lượt là bình quân của trung vị giá trị giao dịch, giá trị giao dịch khớp lệnh và khối lượng giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Tỷ lệ free-float (f): là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.
- Lợi nhuận sau thuế (LNST): là lợi nhuận sau thuế được thu thập từ báo cáo tài chính (BCTC) bán niên được soát xét gần nhất hoặc BCTC năm được kiểm toán gần nhất của tổ chức niêm yết. Sử dụng LNST của cổ đông công ty mẹ trên BCTC hợp nhất đối với trường hợp tổ chức niêm yết là công ty mẹ. Sử dụng BCTC tổng hợp đối với trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc. Lợi nhuận sau thuế của 04 quý gần nhất (LNST_TTM) là tổng lợi nhuận sau thuế của 04 quý gần nhất có dữ liệu công bố thông tin.
- Năm T là năm xem xét.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức so với trung bình 3 năm (DIVIDEND_RATIO) là mức cổ tức bằng tiền đã chi trả cho năm tài chính T-2 so với mức cổ tức trung bình đã chi trả cho 03 năm tài chính liền kề trước năm xem xét hai năm (năm T-5, năm T-4 và năm T-3). Dữ liệu chi trả cổ tức được ghi nhận theo thông tin công bố Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng.
- Ngày chốt dữ liệu: là ngày giao dịch cuối cùng của tháng 6 và 12 đối với việc xem xét thay đổi định kỳ thành phần chỉ số, tháng 3 và 9 đối với việc cập nhật thông tin khối lượng lưu hành và tỷ lệ free-float của cổ phiếu.

1.5.2. Ngày chốt dữ liệu và hiệu lực

- Việc xem xét và cập nhật danh mục cổ phiếu thành phần của Chỉ số VNDIVIDEND được thực hiện theo quy định định kỳ và theo các mốc thời gian cụ thể như sau:

Xem xét định kỳ (bán niên vào tháng 4 và tháng 10):

- Nội dung thực hiện: Tiến hành cập nhật danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số.
- Ngày chốt dữ liệu: Là ngày giao dịch cuối cùng của tháng 3 và tháng 9 hàng năm.
- Ngày công bố kết quả: Vào ngày Thứ Hai lần thứ 3 của tháng 4 và tháng 10 hàng năm.
- Ngày hiệu lực: Vào ngày Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 5 và tháng 11 hàng năm.

Cập nhật thông tin (Hàng quý vào tháng 1, 4, 7 và tháng 10)

- Nội dung thực hiện: Cập nhật các chỉ số kỹ thuật bao gồm: tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành và giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu.
- Ngày chốt dữ liệu: Là ngày giao dịch cuối cùng của các tháng 12, 3, 6 và 9 hàng năm.
- Ngày công bố kết quả: Vào ngày Thứ Hai lần thứ 3 của các tháng 1, 4, 7 và 10 hàng năm.
- Ngày hiệu lực: Vào ngày Thứ Hai lần thứ 1 của các tháng 2, 5, 8 và tháng 11 hàng năm.

1.5.3. Tư cách tham gia vào chỉ số

Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Chỉ số VNDIVIDEND khi không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện *bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch* (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập v.v... dưới 30 ngày giao dịch), *đình chỉ giao dịch trong vòng 3 tháng* tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE *dưới 6 tháng* tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét, ngoại trừ cổ phiếu niêm yết trên HOSE có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top-5 và thời gian niêm yết trên 3 tháng.

1.5.4. Sàng lọc rổ chỉ số định kỳ

Các bước lựa chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số chính thức được tiến hành như sau:

Bước 1: Từ rổ chỉ số VNAllshare hiện hành, chọn các cổ phiếu đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- Niêm yết trên HOSE trước năm T-5
- $GTVH_f \geq 2000$ tỷ đồng
- Thanh khoản:
 - $GTGD_KL \geq 8$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 100.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước); hoặc

- $GTGD_KL \geq 10$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 200.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước)

Bước 2: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1, chọn các mã cổ phiếu có $LNST_TTM$ trong 04 quý gần nhất dương, cụ thể:

- **Tại kỳ xem xét định kỳ tháng 4:** $LNST_TTM$ (Quý 4 năm T-1), $LNST_TTM$ (Quý 3 năm T-1), $LNST_TTM$ (Quý 2 năm T-1) và $LNST_TTM$ (Quý 1 năm T-1) đồng thời dương.
- **Tại kỳ xem xét định kỳ tháng 10:** $LNST_TTM$ (Quý 2 năm T), $LNST_TTM$ (Quý 1 năm T), $LNST_TTM$ (Quý 4 năm T-1) và $LNST_TTM$ (Quý 3 năm T-1) đồng thời dương.

Bước 3: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2, chọn các mã cổ phiếu chỉ trả cổ tức bằng tiền liên tục trong 03 năm tài chính liền kề trước năm xem xét hai năm (năm T-5, năm T-4 và năm T-3).

Bước 4: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3, chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- $DIVIDEND_RATIO \geq 80\%$ (đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước); hoặc
- $DIVIDEND_RATIO \geq 100\%$ (đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước).

Bước 5: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4, xác định rổ chỉ số chính thức như sau:

Trường hợp có trên 20 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4: Chọn 20 mã cổ phiếu có $DIVIDEND_RATIO$ lớn nhất (ưu tiên cổ phiếu thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước và $GT VH_f$ cao hơn khi $DIVIDEND_RATIO$ bằng nhau) vào rổ chỉ số chính thức.

Trường hợp có từ 10 đến 20 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4: Chọn tất cả các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4 vào rổ chỉ số chính thức.

Trường hợp có dưới 10 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4: Chọn tất cả các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4 và chọn thêm các mã cổ phiếu có $DIVIDEND_RATIO$ lớn nhất (ưu tiên $GT VH_f$ cao hơn khi $DIVIDEND_RATIO$ bằng nhau) từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3 cho đến khi đủ 10 mã cổ phiếu vào rổ chỉ số chính thức.

1.5.5. Phương pháp tính toán chỉ số giá

Công thức tính chỉ số

$$\text{Chỉ số} = \frac{CMV}{\text{Hệ số chia}}$$

Công thức tính CMV (Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại)

$$CMV = \sum_{i=1}^n (p_i \times s_i \times f_i \times c_i)$$

– i : 1, 2, 3...n

– n : số cổ phiếu trong rổ chỉ số

– p_i, s_i : giá và khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán (tham khảo chi tiết tại Mục 5 của Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index)

– f_i : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán. (Tham khảo cách làm tròn free-float tại Mục 3 của Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index)

– c_i : giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (%), được quy định như sau:

Tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần chỉ số như sau:

- Đối với một cổ phiếu đơn lẻ là 15%.

- Đối với nhóm các cổ phiếu có cùng ngành là 40%. Nhóm cổ phiếu có cùng ngành được xác định dựa vào chuẩn phân ngành GICS® cấp 1 do MSCI và S&P thực hiện và thông tin phân ngành các công ty niêm yết được cập nhật tại trang thông tin điện tử của HOSE: www.hsx.vn. (Thông tin cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu tham khảo chi tiết tại Mục 10.1 và Mục 10.2 của Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index).

Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu

$$c_i = \frac{Z}{I \times (p_i \times s_i \times f_i)} \sum_{j=1}^J (p_j \times s_j \times f_j)$$

Trong đó :

- i : cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu cùng ngành bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- J : tập hợp các cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu cùng ngành không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- p : giá đóng cửa của cổ phiếu
- s : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu
- f : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu
- I : tổng tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu cùng ngành không bị giới hạn tỷ trọng
- Z : ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa

Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp), khối lượng lưu hành và tỷ lệ free-float của cổ phiếu thành phần thuộc rô chỉ số tại ngày giao dịch liền trước Ngày công bố kết quả cập nhật thông tin.

Trong trường hợp có biến động đặc biệt về giá trị vốn hóa hoặc thay đổi về cổ phiếu thành phần của rô chỉ số trong kỳ, quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp), khối lượng lưu hành và tỷ lệ free-float của cổ phiếu thành phần thuộc rô chỉ số tại ngày giao dịch liền trước ngày công bố thông tin.

Trong trường hợp có sự thay đổi về cổ phiếu thành phần của rô chỉ số kết hợp với sự kiện doanh nghiệp, giới hạn tỷ trọng vốn hóa sẽ được tính toán lại ở bước cuối cùng sau khi đã cập nhật xong sự kiện doanh nghiệp.

2. Điều lệ Quỹ tóm tắt

2.1. Các điều khoản chung – Nguyên tắc hoạt động chung của Quỹ

- Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật.
- Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng và không bị giới hạn về thời gian hoạt động.
- Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, VCAM và Ngân hàng giám sát; đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.
- Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ (50.000.000.000) Đồng Việt Nam, tương đương số lượng năm triệu (5.000.000) Chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một Chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) Đồng Việt Nam.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu trước khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNDIVIDEND do HOSE xây dựng và quản lý.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng của quỹ so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của pháp luật như được quy định cụ thể tại Điều 2.2.2.1 của Chương X Bản cáo bạch này.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

- 2.2.2.1. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ so với Chỉ số tham chiếu của Quỹ không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định pháp luật, trong đó mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu được xác định theo quy định tại Phụ lục số XIX của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định liên quan của HOSE (có thể được thay đổi và điều chỉnh tùy từng thời điểm).
- 2.2.2.2. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.
- 2.2.2.3. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công ty quản lý quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành.

2.2.3. Tài sản được phép đầu tư

- 2.2.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu) và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.
- 2.2.3.2. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:
 - a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - đ) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

- 2.2.3.3. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục a, b Điều 2.2.3.2 Chương X Bản cáo bạch này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

2.2.4. Cơ cấu đầu tư

Cơ cấu đầu tư phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VNDIVIDEND có sự thay đổi, Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VNDIVIDEND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.

2.2.5. Các hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- 2.2.5.1. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 2.2.5.2. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục a, b Điều 2.2.3.2 Chương X của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 2.2.5.3. Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu, không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục a, b và d Điều 2.2.3.2 Chương X của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- 2.2.5.4. Không được đầu tư vào Chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND;
- 2.2.5.5. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- 2.2.5.6. Không được đầu tư vào bất động sản;
- 2.2.5.7. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
- 2.2.5.8. Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2.2.6. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

- 2.2.6.1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 2.2.6.2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay

ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.

- 2.2.6.3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

2.2.7. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 2.2.7.1. Quỹ sẽ đầu tư vào các Chứng khoán cơ cấu cấu thành Chỉ số tham chiếu. Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu. Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu.
- 2.2.7.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tiền gửi ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.
- 2.2.7.3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và công cụ nợ của Chính phủ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.
- 2.2.7.4. Phương pháp lựa chọn đối với cổ phiếu niêm yết: Quỹ đầu tư vào các Chứng khoán cơ cấu cấu thành Chỉ số tham chiếu. Danh mục Chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu). Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ số tham chiếu.
- 2.2.7.5. Phương pháp lựa chọn đối với các tài sản đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2.8. Nguyên tắc, phương thức xác định Giá trị tài sản ròng

- 2.2.8.1. Ngày định giá: là ngày Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, định kỳ vào các ngày làm việc từ thứ Hai tới thứ Sáu hàng tuần và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
- 2.2.8.2. Nguyên tắc xác định Giá trị tài sản ròng:
- a) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ hàng ngày, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, trong đó:
 - i. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường);

- ii. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành;
 - iii. Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ.
- b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- 2.2.8.3. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Nội dung chi tiết của Sổ tay định giá được quy định tại Chương XII Điều lệ Quỹ, phù hợp với quy định pháp luật.
- 2.2.8.4. Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV) được Công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định iNAV trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của HOSE.
- 2.2.8.5. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát để xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.
- 2.2.8.6. Các Giá trị tài sản ròng quy định tại khoản 2.2.8.2 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong Ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày giao dịch tiếp theo.
- 2.2.8.7. Trường hợp Giá trị tài sản ròng bị đánh giá sai, Công ty quản lý quỹ phải phối hợp với Ngân hàng giám sát để thực hiện nghĩa vụ điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN theo quy định pháp luật.
- 2.2.8.8. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng:
- Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam; được quy định cụ thể tại Sổ tay định giá và tại Phụ lục IV của Điều lệ Quỹ, phù hợp với các quy định pháp luật quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo đó, nguyên tắc định giá các loại tài sản như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, tại ngày trước Ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính đến ngày trước Ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động tăng hoặc giảm lớn hơn một phần trăm (1%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua bình quân gia quyền nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất, thì giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua bình quân gia quyền cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu

8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
9. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
10. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
11. Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua, hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Giá trung bình dựa trên báo giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan cung cấp. - Trường hợp không đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức cung cấp báo giá.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.

16. Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán
- Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
- + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Các tài sản khác

17. Quyền mua cổ phiếu
- Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
18. Các tài sản được phép đầu tư khác
- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua cho từng trường hợp cụ thể.

2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

- 2.3.1.1. Nhà đầu tư của Quỹ là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
- 2.3.1.2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

2.3.2. Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ

- 2.3.2.1. Nhà đầu tư sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.
- 2.3.2.2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu.
- 2.3.2.3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục thông qua Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

- 2.3.3.1. Nhà đầu tư có các quyền sau:
- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
 - c) Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

- d) Được chuyển nhượng hoặc bán Chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- đ) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- e) Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- g) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- h) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2.3.3.2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ sau:

- a) Chấp hành, tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua số Chứng chỉ quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
- c) Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà đầu tư theo quy định;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2.3.3.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên và mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có thêm các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quỹ đầu tư chứng khoán, được quy định cụ thể tại Điều 14 Điều lệ Quỹ.

2.3.4. Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ quỹ

2.3.4.1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính ("**Sổ chính**") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ ("**Sổ phụ**") và xác nhận quyền sở hữu Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2.3.4.2. Sổ chính, Sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
- b) Tổng số Chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
- c) Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, bao gồm:
 - i. Thông tin Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư:
 - Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số định danh cá nhân hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc; số điện thoại liên lạc; địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch; địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp

pháp khác còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ quỹ;

- ii. Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- iii. Số lượng Chứng chỉ quỹ/Lô chứng chỉ quỹ sở hữu; Tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ;
- iv. Ngày lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.

2.3.4.3. Công ty quản lý quỹ, Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư theo quy định, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

2.3.4.4. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.

2.3.4.5. Số lượng các Lô chứng chỉ quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSDC theo hướng dẫn của VSDC.

2.3.5. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

2.3.5.1. Mỗi Chứng chỉ quỹ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp các đơn vị này đồng thời là Nhà đầu tư hợp lệ của Quỹ.

2.3.5.2. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Điều 25 Điều lệ Quỹ.

2.3.6. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

2.3.6.1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN chấp thuận. Nội dung chi tiết của các trường hợp này được quy định tại Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Điều lệ Quỹ.

2.3.6.2. Trường hợp giải thể Quỹ.

a) Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) không được:

- i. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
- ii. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- iii. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- iv. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

- v. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- b) Tài sản của quỹ đang giải thế bao gồm:
- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thế;
 - Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thế
 - Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- c) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư tại Quỹ. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.
- đ) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thế. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thế không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có), các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thế đến UBCKNN.

2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ

Quy trình giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ (giao dịch sơ cấp), và giao dịch Chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) được quy định chi tiết tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Điều lệ Quỹ và Chương XI của Bản cáo bạch này.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Chứng chỉ quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch Chứng chỉ quỹ

2.5.1.1. Tần suất định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được định kỳ định giá vào các Ngày làm việc từ thứ Hai tới thứ Sáu hàng tuần (để phục vụ cho việc tính Giá phát hành và Giá mua lại); và vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

2.5.1.2. Xác định Giá trị tài sản ròng (NAV)

NAV là tổng giá trị các tài sản của Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

NAV của một Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

$$\text{NAV/CCQ} = \frac{(\text{Tổng tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV/CCQ được tính cho mỗi Ngày giao dịch của Quỹ và sẽ được tính làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Ví dụ sau đây minh họa cho cách tính NAV/CCQ của Quỹ theo các giả định được đưa ra:

Khoản mục	Mã số	Giá trị (Đồng Việt Nam)
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	(1)	80.000.000.000
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	(2)	6.000.000.000
Tài sản khác tại ngày T-1	(3)	2.000.000.000
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	(4)	10.000.000.000
Số lượng CCQ đang lưu hành tại T-1	(5)	7.000.000 CCQ
Tổng tài sản tại ngày T-1	(6) = (1) + (2) + (3)	88.000.000.000
NAV của Quỹ tại Ngày định giá T	(7) = (6) - (4)	78.000.000.000
NAV/CCQ tại Ngày định giá T	(8) = (7) / (5)	11.142,85 Đồng Việt Nam/CCQ

2.5.2. Hình thức công bố thông tin về giá các giao dịch, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin

- 2.5.2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận và sẽ được công bố trên trang web của Công ty quản lý quỹ, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và các phương tiện truyền thông khác theo yêu cầu của pháp luật vào Ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá.
- 2.5.2.2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường về việc định giá sai Giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng.

2.5.3. Thông tin về các mức giá dịch vụ

Các loại phí/ giá dịch vụ và chi phí/giá dịch vụ liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Chứng chỉ quỹ do Nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Công ty quản lý quỹ bảo lưu quyền thay đổi biểu phí/giá dịch vụ này.

2.5.3.1. Giá dịch vụ phát hành

- Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ;
- Giá dịch vụ phát hành được tính trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch;
- Giá dịch vụ phát hành do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- Giá dịch vụ phát hành lần đầu là 0% (không phần trăm) trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ
- Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho lệnh mua được VCAM ấn định và công bố tại từng thời kỳ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối để Nhà đầu tư nắm bắt được thông tin.

2.5.3.2. Giá dịch vụ mua lại

- a) Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu;
- b) Giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch;
- b) Giá dịch vụ mua lại do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- c) Giá dịch vụ mua lại được VCAM ấn định và công bố tại từng thời kỳ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối để Nhà đầu tư nắm bắt được thông tin.

2.5.3.3. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ tăng

Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

2.6. Thông tin về các chi phí/giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

Chỉ có các loại chi phí/ giá dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ. Các phí/giá dịch vụ dưới đây là các mức đang áp dụng và các phí/ giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các chi phí/dịch vụ này bao gồm:

2.6.1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ

- Giá dịch vụ quản lý Quỹ là không phẩy tám phần trăm (0,8%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.
- Giá dịch vụ quản lý Quỹ tại các Ngày định giá được tính theo công thức như sau:
$$\text{Giá dịch vụ quản lý Quỹ} = 0,8\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

2.6.2. Giá dịch vụ lưu ký

- Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ.
- Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Giá dịch vụ lưu ký được tính theo công thức như sau:
$$\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,05\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$
- Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ lưu ký được thực hiện như sau:

Giá dịch vụ lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng] và $[0,05\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}]$.

2.6.3. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

- Giá quản trị Quỹ là không phải không ba phần trăm (0,03%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ.

- Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

- Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = $0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

- Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ quản trị Quỹ được thực hiện như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu hàng tháng * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng] và $[0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}]$.

2.6.4. Giá dịch vụ giám sát Quỹ

- Giá giám sát Quỹ là không phải không hai phần trăm (0,02%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ.

- Mức giá dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là năm triệu (5.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

- Giá dịch vụ giám sát Quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát Quỹ = $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

- Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ giám sát Quỹ được thực hiện như sau:

Giá dịch vụ giám sát Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu hàng tháng * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng] và $[0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}]$.

2.6.5. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

- Giá dịch vụ cố định hàng tháng: 10.000.000 Đồng Việt Nam/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

- Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng.

2.6.6. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu

- Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu tối đa là không phải không sáu mươi lăm phần trăm (0,065%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là một trăm chín mươi lăm triệu (195.000.000) Đồng Việt Nam một (01) năm.
- Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế GTGT.

2.6.7. Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV)

- Giá dịch vụ tính toán iNAV là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) Đồng Việt Nam một (01) năm.
- Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế GTGT.

2.6.8. Chi phí kiểm toán

- Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

2.6.9. Thù lao Ban đại diện Quỹ

- Các chi phí của Ban đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ.
- Thù lao của các thành viên của Ban đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

2.6.10. Chi phí khác

- Chi phí/giá dịch vụ trả cho Thành viên lập Quỹ;
- Chi phí/giá dịch vụ trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí/giá dịch vụ dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
- Các chi phí khác theo quy định pháp luật;
- Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ

- 2.7.1.1. Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ quỹ tương ứng của Nhà đầu tư, đảm bảo nguyên tắc:
- a) Lợi tức phân phối cho các Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp luật;
 - b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
 - c) Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo: (i) có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn; và (ii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam;
 - d) Trong trường hợp phân chia lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân chia căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- 2.7.1.2. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

2.7.2. Chính sách thuế

Chính sách thuế thu nhập áp dụng đối với từng đối tượng Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức, cư trú, không cư trú) thay đổi theo từng thời kỳ. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động của Quỹ.

2.8. Đại hội Nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

- 2.8.1.1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
- 2.8.1.2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Nếu có đề nghị của Ban đại diện Quỹ thì thời hạn tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính và phải thông báo cho UBCKNN. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định hiện hành.
- 2.8.1.3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định Pháp luật;
- 2.8.1.4. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
- 2.8.1.5. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo đúng quy định nêu trên, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Nếu Công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư trong thời hạn ba mươi (30)

ngày theo quy định, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thay thế cho Công ty quản lý quỹ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật có liên quan.

2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

- 2.8.2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
- 2.8.2.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ; thay đổi mức phí hay giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- 2.8.2.3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
- 2.8.2.4. Phương án phân phối lợi tức;
- 2.8.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- 2.8.2.6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- 2.8.2.7. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- 2.8.2.8. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

2.8.3. Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư

- 2.8.3.1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết (tương ứng với tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành).
- 2.8.3.2. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- 2.8.3.3. Nhà đầu tư có thể tham gia và biểu quyết đại hội bằng một trong các hình thức sau:
 - a) Trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
 - b) Ủy quyền bằng văn bản (bao gồm cả văn bản ủy quyền được đính kèm theo thông báo gửi đến Công ty quản lý quỹ bằng thư điện tử hoặc thư bảo đảm hoặc fax, hoặc văn bản ủy quyền được Nhà đầu tư ký bằng chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật) cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về ủy quyền và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền hợp lệ cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp; hoặc
 - c) Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định hiện hành.

2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- 2.8.4.1. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác được quy định từng thời điểm, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội

- Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại Điều 2.8.2.2 và Điều 2.8.2.3 Chương X của Bản cáo bạch
- 2.8.4.2. Đối với các nội dung quy định tại Điều 2.8.2.2 và Điều 2.8.2.3 Chương X của Bản cáo bạch (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ), quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 2.8.4.3. Đối với nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
- Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết; và
 - Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 2.8.4.4. Quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành trừ các trường hợp quy định tại Điều 2.8.4.2 và Điều 2.8.4.3 của Bản cáo bạch.
- 2.8.4.5. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành. Chi tiết về cách thức lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Điều 25 Điều lệ Quỹ.

2.9. Ban đại diện Quỹ

2.9.1. Danh sách Ban đại diện Quỹ

Ông Trần Trọng Bằng Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	Ông Bằng hiện là Giám đốc quản lý sản phẩm tại Công Ty Cổ Phần STAG Việt Nam và Thành viên ban kiểm soát Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tiếp Vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc. Ông có hơn mười (10) năm kinh nghiệm đa dạng trong các lĩnh vực quản trị dự án, phát triển sản phẩm công nghệ, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng, thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính và ngân hàng. Ông từng nắm giữ các vị trí chuyên gia, quản lý và công tác tại nhiều tổ chức trong và ngoài nước như Ngân Hàng HSBC Việt Nam, Ngân Hàng Shinhan Việt Nam, Công Ty Cổ Phần EyeQ Tech, Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ, Tập Đoàn FinVolution... Ông tốt nghiệp Cử nhân Thương Mại tại Đại học quốc tế RMIT University.
Bà Nguyễn Lan Anh Thành viên độc lập	Bà Lan Anh có hơn mười (10) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và đảm nhiệm những vị trí quan trọng như Trưởng phòng tài chính và Kiểm toán viên. Bà Lan Anh hiện là Trưởng phòng tài chính tại Công Ty Cổ Phần Funtap. Trước đó, bà trải qua nhiều vị trí tại nhiều đơn vị khác nhau như Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam, Tổng Công Ty MobiFone. Bà Lan Anh tốt nghiệp chuyên ngành Kiểm toán tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ kế toán quản trị và tài chính tại Đại học Kinh tế luật Berlin, Đức.

Ông Nguyễn Minh Hoàng	Ông Minh Hoàng có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn đầu tư, pháp lý doanh nghiệp và các dự án mua bán sáp nhập.
Thành viên độc lập	Hiện tại, Ông Hoàng phụ trách tư vấn pháp lý doanh nghiệp tại Công Ty TNHH Phoenix Holdings, một công ty chuyên đầu tư vào các công ty thuộc chuỗi hỗ trợ giá trị cho ngành tài chính, cũng như các công ty tài chính truyền thống. Ông từng công tác tại các công ty lớn như Công Ty Cổ Phần Good Day Hospitality (McDonalds' Vietnam), Văn Phòng Đại Diện British American Tobacco, Quỹ Đầu Tư IDG Ventures Vietnam, Công Ty Luật Bizlink, Công Ty Tư Vấn Đầu Tư Và Chuyển Giao Công Nghệ Investconsult Group... Ông có bằng Cử nhân Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội, Chứng chỉ Hành nghề Luật sư và là thành viên của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

- 2.9.2.1. Ban đại diện Quỹ có ba (03) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là Người có liên quan với Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- 2.9.2.2. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:
- Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp luật.
- 2.9.2.3. Trong trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ, hoặc có thành viên Ban đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- 2.9.2.4. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:
- Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
- 2.9.2.5. Các quy định cụ thể về tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ tuân thủ quy định tại Điều 27 và 28 Điều lệ Quỹ.

2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ

- 2.9.3.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
- 2.9.3.2. Xem xét, phê duyệt Sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá theo quy định tại Điều 61.3 Điều lệ Quỹ; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại mục a và b Điều 2.2.3.2 Chương X Bản cáo bạch.

- 2.9.3.3. Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ).
- 2.9.3.4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua hoặc theo quy định tại Điều lệ Quỹ; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- 2.9.3.5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định Pháp luật.
- 2.9.3.6. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- 2.9.3.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

- 2.9.4.1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 2.9.4.2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- 2.9.5.1. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- 2.9.5.2. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

- 2.9.6.1. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:
- a) Không đủ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Có đơn từ chức và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- 2.9.6.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:
- a) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị toà án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan;

- d) Chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của toà án, cơ quan có thẩm quyền;
 - đ) Tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quỹ;
 - e) Không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục mà không có lý do hợp lệ;
 - g) Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- 2.9.6.3. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - c) Trừ trường hợp quy định trên, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.9.7. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

- 2.9.7.1. Các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, dưới hình thức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 2.9.7.2. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp tham dự họp có quyền biểu quyết bằng văn bản hoặc gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- 2.9.7.3. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập dự họp thông qua.

2.9.8. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký biên bản họp và có đầy đủ nội dung thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 2.10.1.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- 2.10.1.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;
- 2.10.1.3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- 2.10.1.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều lệ Quỹ.

2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

- 2.10.2.1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
- b) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
- Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - Trong trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và phải lưu trữ bản gốc của hợp đồng tiền gửi;
 - Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty quản lý quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tại Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi;
 - Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
 - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- d) Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.
- đ) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
 - Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư;
 - Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ; có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ này;
- e) Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và

trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

- g) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán tuân thủ các giới hạn theo quy định pháp luật.
- h) Bảo đảm tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác; tách biệt về cơ sở dữ liệu, cơ sở vật chất, nhân sự giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích theo quy định pháp luật.
- i) Đảm bảo rằng khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty quản lý quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty quản lý quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí hay giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
- k) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật;
- l) Có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay trong trường hợp sau:
 - i. Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là trọng yếu theo quy định của Pháp luật;
 - ii. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ này;
 - iii. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp được phép đầu tư vượt hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ.
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Quỹ.

2.10.2.2. Công ty quản lý quỹ có các quyền hạn sau:

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- đ) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với Đại lý chuyển nhượng, hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành viên lập quỹ;
- e) Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ phù hợp với

quy định của Pháp luật;

- g) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- h) Được yêu cầu Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, Đại lý phân phối cung cấp thông tin;
- i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ

2.10.3.1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị Ban đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- b) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- d) Công ty quản lý quỹ bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới thay thế đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2.10.3.2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng đối với các trường hợp quy định trên, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.10.3.3. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ:

- a) Trong trường hợp thay đổi Công ty quản lý quỹ theo đề nghị Ban đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí hay giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của Công ty quản lý quỹ.
- b) Mức phí này sẽ bằng:
 - i. 3% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động; hoặc
 - ii. 1,5% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

2.10.4.1. Công ty quản lý quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), Chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2.10.4.2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.

2.10.4.3. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ;
- b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ khác, công ty đầu tư chứng khoán và các khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
- c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (mười phần trăm) vốn Điều lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác.
- đ) Không được đưa ra nhận định hoặc cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty quản lý quỹ; không được trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

2.10.4.4. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

- 2.11.1.1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán: là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, được quyền thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
- 2.11.1.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- 2.11.1.3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- 2.11.1.4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- 2.11.1.5. Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ.
- 2.11.1.6. Ngân hàng giám sát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- 2.11.1.7. Ngân hàng giám sát phải đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

2.11.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng giám sát

2.11.2.1. Trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư của Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định pháp luật có liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- đ) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty quản lý quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty quản lý quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát;
- e) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định Pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ; Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, đồng thời có bản sao của văn bản từ chối đó gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;
- k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định Pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- m) Tuân thủ các quy định khác tại Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;
- n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

2.11.2.2. Quyền hạn của Ngân hàng giám sát

- a) Hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định pháp luật;
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- c) Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng giám sát và pháp luật Việt Nam.
- d) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ với Ngân hàng giám sát

- 2.11.3.1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân;
 - b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
 - d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 2.11.3.2. Trường hợp thay đổi Ngân hàng giám sát, Quỹ thông qua Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng giám sát có xác nhận của Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ.
- 2.11.3.3. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được giám sát tại ngân hàng cũ.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.

2.12.2. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

2.12.3. Chế độ báo cáo

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ hoặc ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một Công ty kiểm toán độc lập. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng giám sát, từng thành viên Ban đại diện Quỹ và các Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

Các quy định khác liên quan đến kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo tuân thủ theo quy định pháp luật về báo cáo tài chính, chi tiết tại Chương XI của Điều lệ Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường phát sinh khi giá trị tài sản tài chính mà Quỹ đầu tư vào bị sụt giảm trong một khoảng thời gian do biến động của thị trường chứng khoán. Rủi ro này thường trên diện rộng, mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty quản lý quỹ cũng như Ban đại diện Quỹ.

3.2. Rủi ro lãi suất

Thông thường, giá thị trường của cổ phiếu có biến động ngược chiều với lãi suất. Khi lãi suất tăng cao sẽ làm chi phí vốn của các doanh nghiệp tăng, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công

ty. Ngoài ra nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp cũng bị tác động trực tiếp khi lãi suất tăng. Giá cổ phiếu có thể bị ảnh hưởng tiêu cực do những nguyên nhân này.

3.3. Rủi ro lạm phát

Trong môi trường lạm phát tăng, sức mua hay giá trị thực của các dòng tiền trong tương lai sẽ giảm. Ngoài ra, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ thường theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát khi áp lực lạm phát tăng cao. Từ đó làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cung ứng cho thị trường, giảm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và làm giảm giá chứng chứng khoán vốn.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi thanh khoản của bên mua và bên bán quá thấp, ảnh hưởng đến khả năng giao dịch của Quỹ và các Thành viên lập quỹ không thể mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Điều này có thể ảnh hưởng đến Giá trị tài sản ròng và tính thanh khoản của Quỹ khi Nhà đầu tư yêu cầu hoán đổi Chứng chỉ quỹ. Rủi ro này thường gặp ở cổ phiếu của các công ty có vốn hóa nhỏ, hoặc ngay cả các công ty vốn hóa lớn nhưng cổ phiếu ít được giao dịch hoặc bị nắm giữ phần lớn bởi Nhà đầu tư tổ chức.

3.5. Rủi ro pháp lý

Đây là rủi ro có thể phát sinh khi Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng. Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.

3.6. Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro tín nhiệm là những nhận thức khác nhau được đánh giá dựa trên các vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, hiệu quả đầu tư, dịch vụ khách hàng, khả năng thanh toán các khoản lãi và nợ... Rủi ro tín nhiệm có thể dẫn đến dư luận tiêu cực, tranh chấp, kiện tụng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý khách hàng từ đó giảm hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý quỹ đã thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục đầu tư riêng biệt cho từng quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của Ngân hàng giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

3.8. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể

Các loại tài sản mà Quỹ dự kiến đầu tư bao gồm cổ phiếu, các tài sản được phép đầu tư khác. Rủi ro của các tài sản nói trên phụ thuộc chủ yếu các yếu tố như tình hình kinh tế, pháp lý, thanh khoản, lãi suất, tỷ giá... Ngoài ra, đối với tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác phụ thuộc vào thời gian tổ chức cung cấp phát hành ra tài sản đó, các chính sách của Bộ tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các yếu tố rủi ro khác của tổ chức phát hành.

3.9. Rủi ro định giá

Đây là rủi ro khi lãi suất chiết khấu dùng để định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX, VBMA, Bloomberg hoặc Reuters. Đây là lãi suất tham khảo chính thức được sử dụng phổ biến tại các tổ chức định giá, đầu tư tài chính chuyên nghiệp theo phương pháp định giá thống nhất tại Việt Nam và cũng mô phỏng thông lệ định giá được sử dụng phổ biến tại các

tổ chức định giá, tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thế giới. Tuy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

3.10. Rủi ro liên quan đến giải thể bắt buộc

Quỹ phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bắt buộc nếu Giá trị tài sản ròng thấp hơn mười tỷ Đồng Việt Nam (10.000.000.000 VND) trong sáu (06) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại hội nhà đầu tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ với quỹ khác, tùy thuộc vào phương án nào có lợi nhất cho Nhà đầu tư.

3.11. Rủi ro cá biệt

Quỹ có thể gặp rủi ro vì không đạt kết quả đầu tư như mong muốn, và kết quả đầu tư có thể thấp hơn so với các lựa chọn đầu tư khác có sẵn tại thời điểm đầu tư.

Quỹ có thể gặp rủi ro về biến động giá khi một hay một số Nhà đầu tư đang nắm giữ một số lượng lớn Chứng chỉ quỹ quyết định thực hiện lệnh bán các Chứng chỉ quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Chứng chỉ quỹ nếu các lệnh bán này đòi hỏi Công ty quản lý quỹ phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp. Các quy định về thực hiện một phần lệnh bán và tạm dừng lệnh bán có thể giảm thiểu rủi ro biến động giá của Quỹ.

3.12. Rủi ro tỷ giá

Tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, mặc dù rủi ro tỷ giá trong trung hạn tại Việt Nam trong thời điểm hiện nay được chúng tôi đánh giá là tương đối thấp do tình hình kinh tế vĩ mô được giữ ổn định, cán cân thương mại thặng dư và Chính phủ thể hiện quyết tâm duy trì sự ổn định của Đồng Việt Nam, các Nhà đầu tư nước ngoài thực tế sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ Nhà đầu tư nước ngoài tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quỹ và vì vậy, các Nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3.13. Rủi ro bất khả kháng

Đây là rủi ro khi những sự kiện bất thường phát sinh có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm: thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân; dịch bệnh; khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành; rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin. Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất khả kháng có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất khả kháng.

3.14. Rủi ro liên quan đến chiến lược đầu tư thụ động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chi số tham chiếu. Do đó, Quỹ không chủ động lựa chọn các Chứng khoán cơ cấu của Chi số tham chiếu mà sẽ đầu tư toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào các Chứng khoán cơ cấu thành Chi số tham chiếu. Do đầu tư thụ động, Quỹ không thực hiện bán các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Quỹ do có biểu đồ hấp dẫn về lợi tài chính hay một sự kiện doanh nghiệp nào đó. Tuy nhiên, khi một Chứng khoán cơ cấu bất kỳ nào bị đưa ra khỏi Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chi số tham chiếu, Quỹ sẽ thực hiện bán Chứng khoán cơ cấu đó bất kể Chứng khoán cơ cấu đó đang có xu hướng tăng hay giảm giá trên thị trường. Ngoài ra, danh mục đầu tư của Quỹ có thể tập trung vào những ngành hoặc nhóm ngành cụ thể tương ứng với những ngành nằm trong Chi số tham chiếu. Do đó, khi các công ty trong nhóm ngành này chịu rủi ro về kinh tế, chính trị hay các điều kiện khác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu thì kết quả hoạt động của Quỹ có thể bị ảnh hưởng tương ứng.

3.15. Rủi ro sai lệch của Giá trị tài sản ròng so với Chỉ số tham chiếu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu. Do đó, Công ty quản lý quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu ở mức thấp nhất có thể. Tuy nhiên, trong các kỳ thay đổi định kỳ danh mục và tỷ trọng chứng khoán của Chỉ số tham chiếu hoặc khi xảy ra các sự kiện doanh nghiệp như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, hay chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng, mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng của Quỹ so với Chỉ số tham chiếu sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ, việc này cũng có thể làm ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

3.16. Rủi ro khi thực hiện hoàn đổi Chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu

Trong trường hợp Nhà đầu tư yêu cầu hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ để lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc rơi vào các trường hợp hạn chế đầu tư thì khi đó Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này phụ thuộc vào tiến độ bán các Chứng khoán cơ cấu này và có rủi ro nếu thanh khoản thị trường thấp hoặc thị giá của Chứng khoán cơ cấu đó giảm, dẫn đến số tiền mà Nhà đầu tư nhận được thấp hơn giá trị tài sản tại Ngày giao dịch hoán đổi.

3.17. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ với Giá trị tài sản ròng/Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ (Giao dịch thứ cấp)

Khi niêm yết và giao dịch trên HOSE, Chứng chỉ quỹ sẽ chịu ảnh hưởng của cung và cầu giao dịch của thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng chỉ quỹ tăng hoặc giảm đột biến sẽ tạo ra sự chênh lệch giữa giá giao dịch và Giá trị tài sản ròng/Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ.

3.18. Rủi ro ngừng công bố hoặc hủy bỏ Chỉ số tham chiếu

Chỉ số tham chiếu do HOSE xây dựng và quản lý. HOSE có toàn quyền ngừng cung cấp, công bố hoặc hủy bỏ Chỉ số tham chiếu. Trong trường hợp HOSE ngừng cung cấp hoặc hủy bỏ Chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ phải thay đổi Chỉ số tham chiếu và sử dụng chỉ số mới theo chuẩn thay thế sau khi được UBCKNN chấp thuận. Trong thời gian chuyển đổi Chỉ số tham chiếu, Quỹ có thể phải tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp không có Chỉ số tham chiếu thay thế, Quỹ có rủi ro bị hủy niêm yết và giải thể Quỹ. Trong những trường hợp này, Nhà đầu tư sẽ không thể thực hiện được các giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ và do đó có thể bị thiệt hại khi sở hữu Chứng chỉ quỹ.

3.19. Rủi ro hủy niêm yết

Theo quy định của HOSE, Chứng chỉ quỹ niêm yết sẽ bị hủy niêm yết nếu rơi vào các trường hợp như mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (tracking error) liên tục trong 3 tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, không thể xác định được Chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định tại quy tắc quản lý và vận hành bộ chỉ số, số lượng Thành viên lập quỹ không đáp ứng được điều kiện niêm yết, và các trường hợp khác theo quy định của HOSE. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư sẽ không thể thực hiện giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ và do đó có thể bị thiệt hại khi sở hữu Chứng chỉ quỹ.

3.20. Rủi ro chào bán không thành công (đối với đợt phát hành lần đầu)

Việc chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng (IPO) có thể không thành công nếu tổng giá trị vốn huy động không đạt mức tối thiểu theo quy định của pháp luật là năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VND). Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã đóng góp (bao gồm cả tiền lãi phát sinh, nếu có) cho các Nhà đầu tư. Rủi ro này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Nhà đầu tư.

XI. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VCAM GROWTH DIVIDEND và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- a) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- b) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- c) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 do nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- d) Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- e) Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- f) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- g) Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- h) Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- i) Thông tư số 91/2020/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- j) Thông tư số 102/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2025;
- k) Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- l) Thông tư số 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
- m) Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- n) Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- o) Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- p) Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 08 năm 2021;
- q) Thông tư 20/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 05 tháng 05 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 06 năm 2025;
- r) Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- s) Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- t) Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- u) Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2018;
- v) Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2020;
- w) Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 08 năm 2021;
- x) Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;
- y) Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;
- z) Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 02 năm 2026;
- aa) Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Phương án phát hành lần đầu ra công chúng

2.1. Thông tin chung về phương án phát hành lần đầu ra công chúng

Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) theo Thông báo phát hành Chứng chỉ quỹ ra công chúng sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND ra công chúng.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý riêng nhằm đảm bảo việc tham gia đầu tư vào Quỹ phù hợp với quy định pháp luật liên quan và khả năng chấp nhận rủi ro của Nhà đầu tư.

Tên quỹ	: QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND
Loại hình	: Quỹ hoán đổi danh mục
Thời hạn hoạt động của Quỹ	: Không xác định
Mục tiêu đầu tư	: Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu trước khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNDIVIDEND do HOSE xây dựng và quản lý.
Chiến lược đầu tư	Vui lòng tham khảo Điều 2.2.2 Chương X Bản cáo Bạch này
Các sản phẩm dự kiến đầu tư	: Sản phẩm đầu tư tập trung vào cổ phiếu niêm yết trong danh mục của chỉ số VNDIVIDEND, và không nằm ngoài các loại tài sản được quy định tại Điều 2.2.3 Chương X của Bản cáo bạch này.
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư	: Quỹ chỉ được phép đầu tư vào những tài sản được phép đầu tư và trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Ngân hàng giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát và kiểm tra, đảm bảo hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định.
Cơ cấu đầu tư	: Cơ cấu đầu tư phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ, tuân thủ quy định tại Điều 2.2.4 và Điều 2.2.5 Chương X của Bản cáo bạch này.
Lô chứng chỉ quỹ	: Một (01) Lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ
Số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu dự kiến chào bán	: Tối thiểu năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ
Thời hạn phát hành	: Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối phải phân phối Chứng chỉ quỹ một cách công bằng, công khai, bảo đảm thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày kể từ ngày chào bán lần đầu Chứng chỉ quỹ và tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực theo quy định hiện hành của Luật chứng khoán. Sau thời hạn chín mươi (90) ngày nếu không hoàn thành việc chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng, Công ty quản lý quỹ sẽ đề nghị UBCKNN xem xét việc gia hạn phân phối Chứng chỉ quỹ. Thời hạn được gia hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phát hành lần đầu.
Mệnh giá	: 10.000 (mười ngàn) Đồng Việt Nam/Chứng chỉ quỹ
Giá phát hành lần đầu	: 10.000 (mười ngàn) Đồng Việt Nam/Chứng chỉ quỹ

Giá dịch vụ phát hành lần đầu	: 0% trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ
Đơn vị tiền tệ	: Đồng Việt Nam
Số lượng đăng ký tối thiểu	: Một (01) Lô chứng chỉ quỹ đối với Nhà đầu tư Một (01) Lô chứng chỉ quỹ đối với Thành viên lập quỹ
Phương thức phân bổ Chứng chỉ quỹ lần đầu	: Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành Chứng chỉ quỹ và tuân thủ pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật từng thời điểm. Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ. Số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký Chứng chỉ Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND với VSDC.
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	: Trong vòng năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng.
Phương thức, hình thức góp vốn lập Quỹ và thanh toán	: Việc góp vốn lập quỹ phải được thực hiện bằng hình thức hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu và chỉ thanh toán bổ sung bằng tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đối với các trường hợp góp vốn bằng tiền như được quy định cụ thể tại Điều 2.3.2 Chương XI của Bản cáo bạch này. Quỹ sẽ không chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu	: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE. Công ty quản lý quỹ sẽ công bố ngày giao dịch chính thức trên HOSE trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và/hoặc của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
Địa điểm phát hành và các Đại lý phân phối	: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 3823 9909 Fax: (84-28) 3824 6329 Đại lý phân phối: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Vietcap”) Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Địa điểm nhận lệnh: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh Đại lý phân phối: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888
Địa điểm nhận lệnh: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
Tầng trệt, Toà nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại lý phân phối: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”)
Địa chỉ: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301
Địa điểm nhận lệnh: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Các đối tác có liên quan tới đợt phát hành : **Tổ chức phát hành:** Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND (“VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF”)
Đại diện phát hành: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt (“VCAM”)
Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (“BIDV – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa”)
Đại lý phân phối: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Thành viên lập quỹ: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

2.2. Tiêu chí, điều kiện đối với đối tượng tham gia giao dịch góp vốn thành lập Quỹ

- 2.2.1. Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng đúng các điều kiện về mã chứng khoán, tỷ trọng, số lượng của từng mã chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.
- 2.2.2. Thành viên lập quỹ đăng ký tham gia góp vốn thành lập Quỹ trực tiếp với Công ty quản lý quỹ. Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ thông qua Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

2.3. Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập Quỹ và trường hợp bổ sung bằng tiền

2.3.1. Chứng khoán cơ cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ

- 2.3.1.1. Chứng khoán cơ cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ lần đầu là các chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo phát hành Chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ.
- 2.3.1.2. Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập Quỹ có thể lấy từ các nguồn sau:

- a) Đối với Thành viên lập quỹ: chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ; hoặc chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện Giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
- b) Đối với Nhà đầu tư: Các chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư.

2.3.2. Trường hợp góp vốn bổ sung bằng tiền

2.3.2.1. Ngoài việc Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có thể tham gia góp vốn thành lập Quỹ bổ sung bằng tiền chỉ trong các trường hợp sau đây:

- a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành của Lô chứng chỉ quỹ;
- b) Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc mã chứng khoán đó thuộc trường hợp phải chào mua công khai hoặc là cổ phiếu quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật;
- c) Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

2.3.2.2. Thành viên lập quỹ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các mã chứng khoán thuộc trường hợp hạn chế nêu trên để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế và thông báo cho Thành viên lập quỹ và VSDC.

2.3.2.3. Đối với các trường hợp góp vốn thay thế bằng tiền nêu trên, Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ phải đảm bảo tiền được chuyển đến tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào ngày góp vốn cuối cùng trong thời gian thực hiện góp vốn.

2.3.2.4. Trường hợp thanh toán bổ sung bằng tiền do giá của các chứng khoán quy định tại mục b Điều 2.3.2.1 nêu trên lớn hơn giá tại ngày cuối cùng trong giai đoạn đăng ký góp vốn và chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp, Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ sẽ phải đảm bảo số tiền nộp bổ sung sẽ được chuyển đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo quy định chi tiết tại Điều 2.4.7 Chương X Bản cáo bạch này.

2.3.2.5. Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi phát sinh sự kiện doanh nghiệp trong giai đoạn từ sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển từ tài khoản Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang ghi nhận vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ và giá trị được tính như sau:

- i. Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức.
- ii. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng cổ phiếu được trả cổ tức hoặc được thưởng tương ứng với số lượng cổ phiếu hoán đổi nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.

- iii. Đối với quyền mua (khi giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá phát hành của quyền mua cổ phiếu): số tiền cần thanh toán bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá phát hành của quyền mua đó.
- iv. Đối với các quyền phát sinh khác: số tiền cần thanh toán bổ sung sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ số tiền cần thanh toán bổ sung nêu trên trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ có thông báo.

2.4. Quy trình thực hiện phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu

2.4.1. Công ty quản lý quỹ thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu

- 2.4.1.1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phát hành văn bản Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ công bố cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về Danh mục chứng khoán cơ cấu dự kiến để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu.
- 2.4.1.2. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ gửi cho VSDC các tài liệu theo yêu cầu của VSDC, bao gồm văn bản Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ và văn bản thông báo thông tin về Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối, Ngân hàng giám sát kèm theo danh sách cán bộ công giao tiếp điện tử của các tổ chức này.

2.4.2. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đăng ký đặt mua Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu

2.4.2.1. Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu:

- a) **Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu:** là khoảng thời gian theo Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ gửi tới VSDC các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ, trong đó nêu rõ số lượng đặt mua Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu.
- b) **Thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn lần đầu:** là mười lăm giờ (15h00) của Ngày làm việc kết thúc Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu. Đây là thời điểm cuối cùng mà các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nhận hồ sơ đề nghị đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư.

2.4.2.2. Phương thức đăng ký đặt mua Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu:

- a) Thành viên lập quỹ: gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ - Phụ lục 4 Bản cáo bạch) trực tiếp cho Công ty quản lý quỹ, trong thời gian thực hiện đăng ký góp vốn theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.
- b) Nhà đầu tư: gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ - Phụ lục 4 Bản cáo bạch) cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch, ghi rõ số lượng Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đặt mua, trong thời gian thực hiện đăng ký góp vốn theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.

2.4.3. Xử lý giao dịch trong Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu

- 2.4.3.1. Nhận giao dịch đăng ký góp vốn của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư
- a) Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ và nhập giao dịch đăng ký góp vốn vào hệ thống VSDC.
 - b) Thành viên lập quỹ gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ) của chính Thành viên lập quỹ cho VSDC và nhập giao dịch đăng ký góp vốn của Thành viên lập quỹ vào hệ thống VSDC.

2.4.3.2. Sửa/hủy giao dịch đăng ký góp vốn

- a) Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chỉ được sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn trước Thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn lần đầu. Nhà đầu tư phải gửi Giấy đề nghị sửa/hủy lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ - Phụ lục 4 Bản cáo bạch) cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đã gửi yêu cầu đăng ký góp vốn để tổ chức này thực hiện việc sửa/hủy giao dịch.
- b) Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên Giấy đề nghị sửa/hủy lệnh giao dịch hoán đổi và nhập giao dịch vào hệ thống của VSDC.
- c) Việc thực hiện sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn sau thời điểm kết thúc nhận hồ sơ đăng ký góp vốn chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nhập sai số lượng Lô chứng chỉ quỹ đăng ký mua của Nhà đầu tư trong quá trình nhập giao dịch đăng ký góp vốn vào hệ thống của VSDC.

2.4.3.3. Tại Ngày làm việc cuối cùng của Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu

Chậm nhất mười lăm giờ (15h00) Ngày làm việc cuối cùng của Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải hoàn tất việc nhập các giao dịch đăng ký góp vốn của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vào hệ thống VSDC thông qua cổng giao tiếp điện tử.

2.4.4. Đối chiếu và xác nhận danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch đăng ký góp vốn

- 2.4.4.1. Chậm nhất vào chín giờ (9h00) Ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày kết thúc Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu, VSDC gửi cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của VSDC) dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm đối chiếu thông tin trên danh sách này và xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin. Trường hợp phát hiện có sai sót do Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nhập sai giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối gửi hồ sơ đề nghị sửa, hủy giao dịch lên VSDC chậm nhất vào mười giờ (10h00) Ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày kết thúc Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu thông qua lệnh SWIFT hoặc thư điện tử (theo mẫu của VSDC).
- 2.4.4.2. Chậm nhất vào mười sáu giờ (16h00) Ngày làm việc thứ hai (02) kể từ ngày kết thúc Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải gửi cho VSDC Thông báo xác nhận Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập quỹ chi tiết dưới dạng chứng từ điện tử.

2.4.5. Công ty quản lý quỹ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu chính thức

- 2.4.5.1. Chậm nhất vào chín giờ (9h00) Ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày kết thúc Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, đồng thời gửi VSDC thông báo về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp

vốn chính thức và chênh lệch bằng tiền giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị phát hành Lô chứng chỉ quỹ (nếu có) (theo mẫu của VSDC).

2.4.6. Giai đoạn thực hiện góp vốn và phong tỏa Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn

- 2.4.6.1. **Thời gian thực hiện góp vốn:** Là khoảng thời gian theo thông báo của Công ty quản lý quỹ mà theo đó Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải gửi cho VSDC hồ sơ đề nghị phong tỏa Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn lập Quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, đồng thời nộp tiền (nếu cần thiết) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát tương ứng với số lượng Lô chứng chỉ quỹ đã đăng ký đặt mua trong Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu.
- 2.4.6.2. **Hồ sơ thực hiện góp vốn:** Trước khi kết thúc Thời gian thực hiện góp vốn quy định tại khoản 2.4.6.1 Điều này, Nhà đầu tư cần hoàn thiện Hồ sơ thực hiện góp vốn và gửi tới Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối các tài liệu sau:
- a) Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn đính kèm bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn (theo mẫu của VSDC);
 - b) Văn bản xác nhận số dư của thành viên nơi Nhà đầu tư mở tài khoản có Chứng khoán cơ cấu góp vốn (theo mẫu của VSDC);
 - c) Tài liệu xác nhận đã chuyển tiền góp vốn vào tài khoản phong tỏa Quỹ (nếu có) đối với các trường hợp được nộp tiền góp vốn thành lập quỹ.
- 2.4.6.3. Chứng khoán cơ cấu góp vốn của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ bị phong tỏa theo đúng danh mục chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng khoán cơ cấu mà Công ty quản lý quỹ đã thông báo cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, VSDC và phù hợp với số Lô chứng chỉ quỹ mà các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn.
- 2.4.6.4. Thời gian phong tỏa chứng khoán cơ cấu: là từ thời điểm VSDC xác nhận phong tỏa cho đến khi các chứng khoán này được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi được giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ trong trường hợp đợt phát hành không thành công.
- 2.4.6.5. Chứng khoán cơ cấu chỉ được giải tỏa trong trường hợp đợt phát hành không thành công.

2.4.7. Các trường hợp phát sinh khi thực hiện góp vốn:

Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền do những mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn:

- a) Khi giá của các Chứng khoán cơ cấu được góp vốn bằng tiền (nếu có) tại Ngày làm việc liền trước ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ (Ngày S) lớn hơn giá tại Ngày cuối cùng trong giai đoạn đăng ký góp vốn thì trong vòng ba (03) Ngày làm việc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trong danh sách áp dụng phải nộp bổ sung tiền chênh lệch vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát. Giá trị nộp bổ sung của từng mã cổ phiếu trên một Lô chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo tại Ngày S.

- b) Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
- c) Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đổi với một (01) Lô chứng chỉ quỹ này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.
- d) Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện mua hộ các mã chứng khoán này và thực hiện quyết toán với Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư như sau:
- i. Trường hợp Quỹ hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng bảy (07) Ngày làm việc kể từ khi Quỹ được thành lập:
 - Quỹ sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trên sàn giao dịch);
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
 - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua:
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua bằng số lượng cổ phiếu bị hạn chế cộng thêm số lượng cổ phiếu được hưởng (từ cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng) tương ứng.
 - Đối với cổ tức bằng tiền: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả cho Quỹ giá trị cổ tức bằng tiền thông qua việc cản trừ vào số tiền khi quyết toán.
 - Đối với quyền mua cổ phiếu: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả cho Quỹ phần chênh lệch dương (nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua thông qua việc cản trừ vào số tiền khi quyết toán.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải trả lại Quỹ.
 - Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

- ii. Trường hợp Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng bảy (07) Ngày làm việc kể từ khi Quỹ được thành lập:
- Quỹ sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trên sàn giao dịch và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các mã chứng khoán mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch Chứng khoán vào Ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
 - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn đến hết Ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập):
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua bằng số lượng cổ phiếu bị hạn chế cộng thêm số lượng cổ tức được hưởng (từ cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng) tương ứng.
 - Đối với cổ tức bằng tiền: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả cho Quỹ giá trị cổ tức bằng tiền thông qua việc cản trừ vào số tiền khi quyết toán.
 - Đối với quyền mua cổ phiếu: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả cho Quỹ phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua thông qua việc cản trừ vào số tiền khi quyết toán.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán phát sinh do chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đã cập bên trên) cộng với số tiền Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại.
 - Trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:
 - Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
 - Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

- Trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh danh mục thành phần của chỉ số VNDIVIDEND từ ngày cuối cùng của thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua hộ, theo đó có một hoặc một số mã chứng khoán mua hộ bị loại ra khỏi Danh Mục Cơ Cấu của rô chỉ số VNDIVIDEND:
 - Công ty quản lý quỹ không thực hiện mua hộ Nhà đầu tư những mã chứng khoán này mà sẽ thực hiện quyết toán với Nhà đầu tư theo phương thức do Công ty quản lý quỹ quyết định.
 - Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo với Nhà đầu tư trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Danh mục chứng khoán cơ cấu mới được công bố.

2.4.8. Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

- 2.4.8.1. Vào Ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày kết thúc Thời gian thực hiện góp vốn, Ngân hàng giám sát gửi VSDC danh sách Nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản của Quỹ dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSDC. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối gửi VSDC các tài liệu theo yêu cầu của VSDC nhằm xác định giao dịch góp vốn hợp lệ.
- 2.4.8.2. Chậm nhất mười lăm giờ (15h00) Ngày làm việc thứ hai (02) kể từ ngày kết thúc Thời gian thực hiện góp vốn, VSDC kiểm tra tiền và Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn với số lượng Lô chứng chỉ quỹ đã đăng ký đặt mua để xác định các giao dịch hợp lệ và không hợp lệ:
- a) Các giao dịch có số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền phù hợp với số Lô chứng chỉ quỹ đã đăng ký đặt mua là giao dịch hợp lệ. Trong trường hợp này, VSDC sẽ phong tỏa Chứng khoán cơ cấu, tiền góp vốn và thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu.
 - b) Trường hợp số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền không đủ so với số lượng Lô chứng chỉ quỹ đã đăng ký đặt mua nhưng lớn hơn một (01) Lô chứng chỉ quỹ:
 - i. VSDC điều chỉnh số lượng Lô chứng chỉ quỹ đăng ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu góp vốn và tiền có thực tế (làm tròn xuống) và thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có liên quan dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSDC.
 - ii. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ chỉ mua được số lượng Lô chứng chỉ quỹ tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn thực tế và VSDC sẽ tổng hợp lại và coi đây là giao dịch hợp lệ.
 - c) Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với một (01) Lô chứng chỉ quỹ hoặc không nộp đủ tiền hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ được VSDC tổng hợp và coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.

2.4.9. VSDC gửi thông báo về kết quả góp vốn lập Quỹ

- 2.4.9.1. Vào Ngày làm việc thứ ba (03) kể từ ngày kết thúc Thời gian thực hiện góp vốn, VSDC gửi Công ty quản lý quỹ các tài liệu liên quan tới kết quả góp vốn lập Quỹ:
- a) Bảng tổng hợp Danh mục chứng khoán cơ cấu phong tỏa và tiền phong tỏa của từng Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư để tham gia IPO (theo mẫu của VSDC);
 - b) Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn được nhận Chứng chỉ quỹ khi phân bổ (theo mẫu của VSDC);

- c) Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chuyển sở hữu Chứng khoán cơ cấu phong tỏa để góp vốn cho Quỹ (theo mẫu của VSDC);
 - d) Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư không đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn chi tiết cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối (theo mẫu của VSDC);
 - e) Xác nhận phong tỏa;
 - f) Xác nhận danh mục Chứng khoán cơ cấu của Nhà đầu tư.
- 2.4.9.2. Vào Ngày làm việc thứ ba (03) kể từ ngày kết thúc Thời gian thực hiện góp vốn, VSDC gửi Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối danh sách Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ không đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSDC và xác nhận phong tỏa Chứng khoán cơ cấu để Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối thông báo lại cho Nhà đầu tư.

2.4.10. Phương thức phân phối Chứng chỉ quỹ lần đầu

- 2.4.10.1. Chứng chỉ quỹ được phân phối công bằng, công khai trong thời hạn phát hành Chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật từng thời điểm.
- 2.4.10.2. Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư Sổ/Giấy xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ. Số lượng Chứng chỉ quỹ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhận được sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký Chứng chỉ quỹ này với VSDC.
- 2.4.10.3. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối Chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối Chứng chỉ quỹ theo quy định của Luật chứng khoán. Sau khi được UBCKNN chấp thuận, Công ty quản lý quỹ gửi văn bản thông báo cho VSDC về việc điều chỉnh thời gian phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu kèm theo bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của UBCKNN, đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

2.4.11. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu

- 2.4.11.1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ và VSDC lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đối với số Lô chứng chỉ quỹ đã đăng ký mua.
- 2.4.11.2. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát thực hiện đăng ký và lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tại VSDC theo quy định của VSDC về quy chế hoạt động Giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán Chứng chỉ quỹ, Giao dịch hoán đổi. Quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ quỹ nêu trên được xác lập từ thời điểm VSDC lưu ký, phân bổ Chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực đối với Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ quỹ tại VSDC.
- 2.4.11.3. Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng Chứng khoán cơ cấu góp vốn của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư dùng đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang tài khoản của Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND mở tại Ngân hàng giám sát. Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang cho Quỹ đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ quỹ tại VSDC.

2.4.12. Niêm yết Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE theo quy chế về niêm yết quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của HOSE.

2.4.13. Xử lý trường hợp phát hành Chứng chỉ quỹ không thành công

2.4.13.1. Giải tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn

- a) VSDC thực hiện giải tỏa Chứng khoán cơ cấu trong trường hợp đợt chào bán Chứng chỉ quỹ không thành công hoặc trong các trường hợp khác theo văn bản thông báo của Công ty quản lý quỹ gửi VSDC và các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phù hợp với quy định pháp luật.
- b) Căn cứ vào Thông báo giải tỏa Chứng khoán cơ cấu từ Công ty quản lý quỹ do chào bán không thành công, VSDC thực hiện giải tỏa Chứng khoán cơ cấu.
- c) Các trường hợp khác theo văn bản thông báo của Công ty quản lý quỹ gửi VSDC và Thành viên lập quỹ: Trong vòng một (01) Ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải tỏa, VSDC thực hiện giải tỏa Chứng khoán cơ cấu và gửi xác nhận về việc đã giải tỏa.

2.4.13.2. Trường hợp hoàn trả tiền mà Nhà đầu tư đã đóng góp

Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị Ngân hàng giám sát hoàn trả các khoản tiền mà Nhà đầu tư đã đóng góp khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

- a) Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn năm mươi tỷ (50.000.000.000) Đồng Việt Nam hoặc số Lô chứng chỉ quỹ chào bán ít hơn mười (10) lô; hoặc
- b) Việc phân phối Lô chứng chỉ quỹ không hoàn tất trong thời hạn phân phối công bố trong Bản cáo bạch này và Công ty quản lý quỹ không có ý định đề nghị UBCKNN chấp thuận việc gia hạn thêm thời hạn phân phối theo quy định của pháp luật.

3. Giao dịch Chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo (Giao dịch sơ cấp)

3.1. Đối tượng tham gia Giao dịch hoán đổi

3.1.1. Là các Thành viên lập quỹ theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;

3.1.2. Là các Nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân đáp ứng điều kiện sau:

- 3.1.2.1. Sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ;
- 3.1.2.2. Sở hữu tối thiểu (một) 01 Lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu.

3.2. Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện Giao dịch hoán đổi

3.2.1. Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi: Là các chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

3.2.2. Chứng chỉ quỹ VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;

3.2.3. Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện Giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:

3.2.3.1. Đối với Thành viên lập quỹ:

- a) Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T);
- b) Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

3.2.3.2. Đối với Nhà đầu tư: các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện hoán đổi sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

3.3. Phương thức đặt Lệnh giao dịch hoán đổi, sửa/hủy Lệnh giao dịch hoán đổi

3.3.1. Nhà đầu tư đăng ký đặt Lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối được đề cập trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch và là nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch.

3.3.2. Lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) phải được điền đầy đủ thông tin và được Thành viên lập quỹ gửi đến Đại lý chuyên nhượng trước Thời điểm đóng sổ lệnh.

3.3.3. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ chỉ được sửa/hủy các Lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh.

3.3.4. Việc sửa/hủy các Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được thực hiện tại các Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đặt lệnh. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa/hủy lệnh cho Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối.

3.3.5. Việc thực hiện sửa/hủy các Lệnh giao dịch hoán đổi sau Thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhập sai số lượng Lô chứng chỉ quỹ mua, bán của Nhà đầu tư trong quá trình nhập Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư vào hệ thống của VSDC.

3.4. Tần suất giao dịch và thời gian Giao dịch hoán đổi

3.4.1. Ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày làm việc. Trong trường hợp: Ngày giao dịch hoán đổi không phải là Ngày làm việc; hoặc Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán và/hoặc VSDC không thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch vào ngày đó thì Ngày giao dịch hoán đổi sẽ là Ngày làm việc kế tiếp.

3.4.2. Thời gian Giao dịch hoán đổi được quy định như sau.

3.4.2.1. Từ chín giờ ba mươi phút (9h30) đến mười bốn giờ bốn mươi phút (14h40) các Ngày giao dịch hoán đổi trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng rơi vào Ngày làm việc;

3.4.2.2. Từ mười ba giờ mười ba phút (13h30) đến mười bốn giờ bốn mươi phút (14h40) của Ngày giao dịch hoán đổi trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.4.3. Thời điểm đóng sổ lệnh: mười bốn giờ bốn mươi phút (14h40) Ngày giao dịch hoán đổi. Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư.

3.4.4. Việc thay đổi Ngày giao dịch hoán đổi sẽ được thông báo trước cho các Điểm nhận lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và HOSE, Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày giao dịch hoán đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và

của Pháp luật, đảm bảo tần suất Giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

3.5. Trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền

Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Tuy nhiên, những trường hợp sau đây được hoán đổi bổ sung một phần bằng tiền:

- 3.5.1.** Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ;
- 3.5.2.** Những mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan. Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các mã chứng khoán thuộc các trường hợp này trước mười hai giờ (12h00) Ngày làm việc liền trước Ngày giao dịch hoán đổi để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ);
- 3.5.3.** Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi cần mua hộ có sự kiện doanh nghiệp phát sinh cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi đến khi hoàn tất mua hộ, đối với cổ tức bằng tiền thì Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ sau khi nhận được thông báo từ Công ty quản lý quỹ; đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm thì Quỹ sẽ thực hiện mua tăng thêm số lượng cổ phiếu tương ứng với số lượng cổ phiếu được hưởng quyền theo quy định chi tiết tại Điều 3.7.5.1 Chương XI của Bản cáo bạch này;
- 3.5.4.** Trong trường hợp phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ quy định tại Điều 3.5.1, hoặc các trường hợp khác quy định tại Điều 3.5.2 và Điều 3.5.3 Chương XI Bản cáo bạch này, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thanh toán bằng tiền cho các trường hợp này và đảm bảo khoản tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước mười một giờ (11h00) của Ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (T+1);
- 3.5.5.** Trong trường hợp hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu mà giá trị của các Lô chứng chỉ quỹ được Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu thì Công ty quản lý quỹ/Ngân hàng giám sát sẽ hoàn trả phần chênh lệch này bằng tiền trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+3).

3.6. Thời điểm chốt kiểm tra tiền và số lượng chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi, giao dịch hoán đổi không hợp lệ

- 3.6.1.** Thời điểm VSDC kiểm tra tiền và số lượng chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi hợp lệ là mười sáu giờ (16h00) Ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+1).
- 3.6.2.** Các trường hợp giao dịch hoán đổi dưới đây được coi là không hợp lệ và sẽ không được thực hiện:
 - 3.6.2.1.** Nhà đầu tư gửi Lệnh giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối sau Thời điểm đóng sổ lệnh hoặc Lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới VSDC sau Thời điểm đóng sổ lệnh;
 - 3.6.2.2.** Các lệnh mua Chứng chỉ quỹ không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) và các lệnh bán Chứng chỉ quỹ không đủ Chứng chỉ quỹ để bán tại thời điểm VSDC kiểm tra số dư vào ngày T+1;

- 3.6.2.3. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn quy định.

3.7. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ

3.7.1. Tại Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T)

3.7.1.1. Trước giờ giao dịch

Chậm nhất vào chín giờ (9h00), ngoại trừ trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng rơi vào ngày nghỉ, lễ thì chậm nhất là mười ba giờ (13h00), Công ty quản lý quỹ công bố và gửi email (file pdf hoặc excel đã được ký chữ ký số) thông tin Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có) cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối và VSDC. Danh mục chứng khoán cơ cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi và bao gồm các thông tin về mã Chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục.

3.7.1.2. Trong giờ giao dịch

a) Nhận Lệnh giao dịch hoán đổi

i. Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành viên lập quỹ

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:
 - Phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC);
 - Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC);
 - Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa (theo mẫu của VSDC) của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ nhập Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư vào hệ thống của VSDC. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

ii. Trường hợp đặt lệnh qua Đại lý phân phối

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại lý phân phối bao gồm các tài liệu liệt kê tại khoản 3.7.1.2.a.i ở trên.
- Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ thực hiện:
 - Ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu đề nghị đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư;
 - Chuyển Phiếu đề nghị đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư, Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa đến Thành viên lập quỹ (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành viên lập quỹ và Đại lý phân phối);
 - Nhập giao dịch vào hệ thống của VSDC qua cổng giao tiếp điện tử.

- iii. Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên Phiếu có xác nhận của Đại lý phân phối và thực hiện giao dịch xác nhận Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư do Đại lý phân phối nhập vào hệ thống của VSDC.
 - iv. Trường hợp Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh; và Nhà đầu tư phải cung cấp cho Thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc là ba (03) Ngày làm việc kể từ Thời điểm đóng sổ lệnh.
- b) Sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi
- i. Trường hợp sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi đối với Nhà đầu tư đặt lệnh trực tiếp tại Thành viên lập quỹ:
 - Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC) cho Thành viên lập quỹ;
 - Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi và nhập giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi vào hệ thống của VSDC.
 - ii. Trường hợp sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi đối với Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:
 - Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC) cho Đại lý phân phối;
 - Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đặt lệnh của Nhà đầu tư, xác nhận trên Giấy và chuyển Giấy đề nghị sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư đến Thành viên lập quỹ (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành viên lập quỹ và Đại lý phân phối) đồng thời gửi điện SWIFT tới VSDC hoặc Thành viên lập quỹ gửi yêu cầu theo mẫu của VSDC để VSDC nhập giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi vào hệ thống của VSDC.
 - iii. Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư, thông tin đề nghị sửa, hủy trên giấy có xác nhận của Đại lý phân phối và thực hiện giao dịch xác nhận giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi do Đại lý phân phối nhập vào hệ thống của VSDC.

3.7.1.3. Sau giờ giao dịch

- a) Chậm nhất vào mười lăm giờ ba mươi phút (15h30), VSDC gửi cho Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ danh sách Nhà đầu tư đặt Lệnh giao dịch hoán đổi chi tiết theo Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có liên quan dưới dạng chứng từ điện tử qua email. (Đại lý phân phối ở đây là các Đại lý phân phối thực hiện chuyển lệnh cho Thành viên lập quỹ);
- b) Thành viên lập quỹ thông báo cho Đại lý phân phối và thực hiện kiểm tra xác nhận với Nhà đầu tư đặt lệnh trực tiếp tại Thành viên lập quỹ;
- c) Căn cứ trên thông báo của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối thực hiện kiểm tra và xác nhận với Nhà đầu tư đặt lệnh tại Đại lý phân phối.

3.7.2. Tại Ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1)

3.7.2.1. Thực hiện xác nhận Giao dịch hoán đổi:

- a) Chậm nhất vào chín giờ (9h00) ngày T+1, Đại lý phân phối phải hoàn tất việc đối chiếu lệnh với Nhà đầu tư và thực hiện:
 - i. Xác nhận danh sách trên hệ thống của VSDC và thông báo cho Thành viên lập quỹ trường hợp danh sách chính xác;
 - ii. Gửi cho Thành viên lập quỹ Giấy đề nghị sửa lỗi/hủy giao dịch (theo mẫu của VSDC) (fax trước, bản gốc gửi sau) trường hợp phát sinh sai lệch do sai sót của Đại lý phân phối trong việc nhập lệnh.
- b) Chậm nhất vào mười giờ (10h00) ngày T+1, Thành viên lập quỹ phải hoàn tất việc đối chiếu lệnh với Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch tại Thành viên lập quỹ và các Nhà đầu tư đặt lệnh qua các Đại lý phân phối và thực hiện:
 - i. Xác nhận danh sách trên hệ thống của VSDC trường hợp danh sách chính xác;
 - ii. Trường hợp phát sinh sai lệch do sai sót trong việc nhập lệnh: Gửi cho VSDC hồ sơ sửa lỗi sau giao dịch gồm các tài liệu sau:
 - Giấy đề nghị sửa lỗi/hủy giao dịch (theo mẫu của VSDC);
 - Bản sao phiếu lệnh của Nhà đầu tư có đóng dấu treo của Thành viên lập quỹ;
 - Các tài liệu khác (nếu có);
- c) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị sửa lỗi, VSDC sẽ xem xét, thực hiện sửa, hủy lệnh và gửi lại thông báo xác nhận sửa, hủy lệnh cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chậm nhất vào mười một giờ (11h00) ngày T+1.
- d) Chậm nhất vào mười bốn giờ ba mươi phút (14h30) ngày T+1, các Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ có lệnh bị sửa, hủy phải hoàn tất việc gửi cho VSDC xác nhận danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đặt Lệnh giao dịch hoán đổi chi tiết sau khi đã được VSDC.

3.7.2.2. Thực hiện cung cấp thông tin thanh toán tiền

Chậm nhất vào mười một giờ (11h00) ngày T+1, khoản tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi do Nhà đầu tư chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát phải được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo tới Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền nộp tương ứng của từng mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) Lô chứng chỉ quỹ để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền nếu thấy cần thiết. Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho mỗi chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó tại ngày giao dịch trên thị trường thứ cấp gần nhất trước Ngày giao dịch hoán đổi. Tổng số tiền tạm nộp tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) Lô chứng chỉ quỹ này bằng số tiền nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.

3.7.2.3. Kiểm tra tiền và chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi, thông báo về số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành, thu hồi, số lượng Chứng khoán cơ cấu chuyển quyền sở hữu, xác nhận hoàn tất giao dịch, chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ.

VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư. Đối với các Lệnh giao dịch hoán đổi hợp lệ, VSDC sẽ thực hiện chuyển quyền sở

hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sang tài khoản lưu ký của Quỹ; đồng thời hạch toán tăng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.

3.7.3. Trong vòng tối đa ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, VSDC, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền theo quy định tại Điều 3.5 Chương XI của Bản cáo bạch này; Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

3.7.4. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ phát hành thêm, hủy đăng ký Chứng chỉ quỹ bị thu hồi và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu hoán đổi

3.7.4.1. Đăng ký, hủy đăng ký Chứng chỉ quỹ và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu

a) Chậm nhất vào mười sáu giờ ba mươi phút (16h30) ngày T+1, VSDC thực hiện:

- i. Gửi văn bản thông báo việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký Chứng chỉ quỹ do thực hiện giao dịch hoán đổi cho Công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán và thành viên. Văn bản thông báo của VSDC được coi như Giấy chứng nhận đăng ký Chứng chỉ quỹ điều chỉnh đối với trường hợp thay đổi (tăng/giảm) số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành theo kết quả Giao dịch hoán đổi;
- ii. Hạch toán tăng hoặc giảm Chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bị thu hồi và gửi xác nhận hạch toán cho thành viên có liên quan;
- iii. Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ sang tài khoản của Nhà đầu tư và ngược lại và gửi xác nhận chuyển khoản cho thành viên có liên quan.

b) Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung Chứng chỉ quỹ tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Quỹ sang Nhà đầu tư hoặc ngược lại.

3.7.4.2. Lưu ký Chứng chỉ quỹ đăng ký bổ sung

- a) Chứng chỉ quỹ được VSDC tự động hạch toán vào tài khoản lưu ký chứng khoán của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư ngay sau khi cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký Chứng chỉ quỹ;
- b) Ngay sau khi thực hiện ký gửi Chứng chỉ quỹ phát hành, VSDC gửi xác nhận hạch toán cho thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản;
- c) Ngày hiệu lực ký gửi Chứng chỉ quỹ đăng ký hoặc đăng ký bổ sung tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký/đăng ký bổ sung Chứng chỉ quỹ.

3.7.5. Xử lý trường hợp Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền cho Giao dịch hoán đổi

3.7.5.1. Nếu Quỹ hoàn thành việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày T+1, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán số tiền thực tế mà Quỹ đã chi trả để mua số lượng chứng khoán này (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán). Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ chi trả thấp hơn số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã nộp bổ sung, Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trong thời hạn ba (03) Ngày làm việc kể từ thời điểm Công ty quản lý quỹ thông báo hoàn trả số tiền chênh lệch thừa này. Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ chi trả (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán) nhiều hơn số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã nộp bổ sung, Thành

viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong thời hạn ba (03) Ngày làm việc kể từ thời điểm Công ty quản lý quỹ thông báo hoàn trả số tiền chênh lệch thiếu này. Các khoản chênh lệch thừa/thiếu này sẽ được Quỹ hạch toán theo quy định định kế toán hiện hành. Trong vòng ba (03) Ngày làm việc sau khi hoàn tất việc mua bán chứng khoán hạn chế, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo hoàn trả số tiền chênh lệch thừa/thiếu cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

- 3.7.5.2. Nếu Quỹ không hoàn thành được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày T+1, Quỹ sẽ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế đã chi trả (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ được trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày T+1 sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng trên HOSE vào Ngày làm việc thứ bảy.
- 3.7.5.3. Trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày T+1 mà phát sinh sự kiện doanh nghiệp và chốt danh sách thực hiện quyền đối với những Chứng khoán cơ cấu cần mua hộ mà Quỹ chưa được ghi nhận sở hữu chứng khoán, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện như sau:
- a) Đối với cổ tức trả bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu bị hạn chế phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức thông qua việc cản trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).
 - b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua hộ sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được nhận do cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - c) Đối với sự kiện quyền mua cổ phiếu: Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư hoàn trả lại cho Quỹ phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày giao dịch không hưởng quyền và giá phát hành quyền nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua thông qua việc cản trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).
 - d) Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: số tiền nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau nếu có.
- 3.7.5.4. Việc quyết toán các sự kiện doanh nghiệp phát sinh đối với cổ phiếu cần mua hộ sẽ được cản trừ vào tiền quyết toán mua hộ theo như quy định tại Điều 3.7.5.1 và Điều 3.7.5.2 trên đây.
- 3.7.5.5. Trường hợp giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị Ngân hàng giám sát hoàn trả bằng tiền phần chênh lệch này cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vào Ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3). Chi phí chuyển tiền có liên quan sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.8. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu

3.8.1. Nhà đầu tư gửi cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi bao gồm:

- 3.8.1.1. Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành viên lập quỹ: Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:
- a) Phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC);

- b) Bảng kê Chứng chỉ quỹ thực hiện Giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC);
- c) Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa (theo mẫu của VSDC) của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ quỹ dùng để thực hiện Giao dịch hoán đổi và đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ gửi điện SWIFT tới VSDC hoặc gửi yêu cầu theo mẫu của VSDC qua thư điện tử để VSDC nhập Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư vào hệ thống của VSDC. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

3.8.1.2. Trường hợp đặt lệnh qua Đại lý phân phối:

- a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại lý phân phối bao gồm các tài liệu như được liệt kê tại khoản 3.8.1.1 ở trên.
- b) Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ thực hiện:
 - i. Ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu đề nghị đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư;
 - ii. Chuyển Phiếu đề nghị đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư, văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa đến Thành viên lập quỹ, chứng từ xác nhận việc chuyển tiền (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành viên lập quỹ và Đại lý phân phối);
 - iii. Gửi điện SWIFT tới VSDC hoặc gửi yêu cầu theo mẫu của VSDC qua thư điện tử để VSDC nhập giao dịch vào hệ thống của VSDC.
- c) Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên Phiếu có xác nhận của Đại lý phân phối và thực hiện giao dịch xác nhận Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư do Đại lý phân phối nhập vào hệ thống của VSDC qua cổng giao tiếp điện tử

3.8.2. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối thực hiện việc sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo quy trình quy định tại mục b khoản 3.7.1.2 Điều 3 Chương XI của Bản cáo bạch này và xác nhận giao dịch hoán đổi theo quy định tại khoản 3.7.2.1 Điều 3 Chương XI của Bản cáo bạch này.

3.8.3. Trong trường hợp giá trị của các Lô chứng chỉ quỹ mà Quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị Ngân hàng giám sát hoàn trả bằng tiền phần chênh lệch này cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vào Ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3). Chi phí chuyển tiền có liên quan sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.8.4. VSDC thực hiện kiểm tra tiền thanh toán (nếu áp dụng), Chứng chỉ quỹ/Danh mục chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi, thông báo về số lượng Chứng khoán cơ cấu chuyển quyền sở hữu và đăng ký chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ hoán đổi theo quy định tại Điều 3.7.4 Chương XI của Bản cáo bạch này.

3.8.5. Trường hợp Thành viên lập quỹ hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, Thành viên lập quỹ phải đảm bảo duy trì đủ số lượng các Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu theo quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ ký kết giữa Thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ sau khi thực hiện Giao dịch hoán đổi.

3.8.6. Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa

được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ, Quỹ phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

Quỹ sẽ hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ: số tiền được hoàn trả bằng số lượng cổ phiếu được trả cổ tức nhân với giá đóng cửa của mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.

Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

3.9. Xử lý các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư

3.9.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư mà xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 3.9.1.1. Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép sở hữu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư (ngày T+1);
- 3.9.1.2. Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá hai mươi lăm phần trăm (25%) số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mà Nhà đầu tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan;
- 3.9.1.3. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp luật liên quan;

thì VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư thực hiện như sau:

- a) Đối với Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nước ngoài: Công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này.
- b) Đối với các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 3.9.1.2 và Điều 3.9.1.3 ở trên, Công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này.

Thời điểm VSDC kiểm tra số lượng Chứng khoán cơ cấu hoàn trả lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư để tính toán số lượng chứng khoán sở hữu vượt quá/sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành là vào mười sáu giờ (16h00) Ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).

Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất bán, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo quyết toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Trong vòng ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

- 3.9.2. Trường hợp các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.
- 3.9.3. Trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng khoán cơ cấu này thì Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện như sau:
- 3.9.3.1. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- 3.9.3.2. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công. Ngoại trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ xét thấy số chứng khoán này Quỹ có thể ứng trước trong tài khoản hiện có để bán trước không ảnh hưởng đến hoạt động của quỹ thì sẽ bán và thanh toán trước.
- 3.9.3.3. Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ.
- 3.9.4. Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.
- 3.9.5. Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- 3.9.5.1. Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước;
- 3.9.5.2. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh;
- 3.9.5.3. Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
- 3.9.6. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Ngay khi phát sinh số lượng chứng khoán cần bán hộ, thì số chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công ty quản lý quỹ.
- 3.10. Tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh giao dịch hoán đổi**
- 3.10.1. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
- 3.10.1.1. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ số tham chiếu;

- 3.10.1.2. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể hoặc chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết;
 - 3.10.1.3. Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 3.10.1.4. Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
 - 3.10.1.5. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - 3.10.1.6. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - 3.10.1.7. HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ số tham chiếu mà chưa có Chỉ số tham chiếu thay thế;
 - 3.10.1.8. Công ty quản lý quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ số tham chiếu sang một Chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;
 - 3.10.1.9. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ.
- 3.10.2.** Trong thời hạn hai mươi tư giờ (24h) kể từ khi xảy ra các sự kiện nêu trên, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sẽ phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 3.10.3.** Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Quỹ nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại khoản 3.10.1.1, 3.10.1.2 và 3.10.1.3 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện Lệnh giao dịch hoán đổi tối đa là ba (03) Ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
- 3.10.4.** Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

3.11. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối mua Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư

Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản khác cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối để Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối thực hiện việc mua đủ Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt Lệnh giao dịch hoán đổi lấy Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của Nhà đầu tư đối với Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phù hợp với quy chế giao dịch của VSDC và HOSE.

3.12. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế) Chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.

3.13. Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký và tuân thủ

3.13.1. Nhận Biết Khách Hàng (KYC) Và Các Quy Định Về Phòng Chống Rửa Tiền (AML)

- 3.13.1.1. Đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho các Công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng (“KYC”) và các quy định về phòng chống rửa tiền (“AML”). Vì vậy toàn bộ các giấy tờ và khai báo trong đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực. Ngoài ra, khi Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối để thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục, Nhà đầu tư có thể phải tuân thủ các quy định về KYC và AML theo yêu cầu của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
- 3.13.1.2. Theo quy định của pháp luật, tất cả Nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư và các bên liên quan của Nhà đầu tư (nếu có yêu cầu) có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định của nước ngoài về KYC và AML. Các đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ hoặc mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.
- 3.13.1.3. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của pháp luật áp dụng về thuế thu nhập, quy định về AML, quy định về chống tham nhũng và chống hối lộ và/hoặc các quy định khác ban hành bởi Nhà nước Việt Nam hay nhà nước sở tại của Nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.
- 3.13.1.4. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu mua/bán Chứng chỉ quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và về pháp luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán Chứng chỉ quỹ. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Indirect Investment Capital Account, gọi tắt là “IICA”) bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng được phép hoạt động và cung cấp dịch vụ tài khoản IICA ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua/bán ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản IICA này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.
- 3.13.1.5. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của Pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- 3.13.1.6. Công ty quản lý quỹ có quyền từ chối giao dịch và/hoặc chấm dứt quan hệ kinh tế với Nhà đầu tư tiềm năng, Nhà đầu tư hiện hữu và/hoặc các bên thứ ba nếu vi phạm các quy định về phòng chống rửa tiền và/hoặc những quy định khác của Pháp luật hiện hành.

3.13.2. Đạo Luật Tuân Thủ Thuế Đối Với Tài Khoản Ở Nước Ngoài Của Hoa Kỳ (“FATCA”)

- 3.13.2.1. FATCA đã được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua vào tháng 03 năm 2010, có hiệu lực vào ngày 07 tháng 07 năm 2014. Đạo luật ra đời nhằm đảm bảo người nộp thuế Hoa Kỳ tuân thủ hệ thống luật thuế Hoa Kỳ và do đó thiết lập các yêu cầu về KYC tại các công ty cung cấp dịch vụ tài chính để xác minh khách hàng của mình. Chính phủ Việt Nam đã ký kết thỏa thuận liên chính phủ với Mỹ vào tháng 07 năm 2016 để cho phép các công ty cung cấp dịch vụ tài chính Việt Nam, bao gồm các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các Công

ty quản lý quỹ và các công ty chứng khoán, cung cấp báo cáo theo yêu cầu của Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ tới cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

- 3.13.2.2. Phù hợp với pháp luật Việt Nam, việc tuân thủ theo quy định của FATCA đòi hỏi Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin tới Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ về các tài khoản được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các Nhà đầu tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 và các Nhà đầu tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014.
- 3.13.2.3. Quỹ không đầu tư vào tài sản tạo ra thu nhập có nguồn gốc từ Hoa Kỳ và do đó Quỹ sẽ không bị ảnh hưởng bởi nghĩa vụ đóng thuế thu nhập theo FATCA cho các khoản thanh toán cho Nhà đầu tư. Tuy nhiên, ngoài nghĩa vụ báo cáo về tài khoản của người đóng thuế Hoa Kỳ, việc tuân thủ FATCA khiến cho Công ty quản lý quỹ, trong quá trình thu thập thông tin về Nhà đầu tư, sẽ phải yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp thêm các thông tin để chứng minh tình trạng thuế của họ ngoài các thông tin đã cung cấp trong đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ. Các Thành viên lập quỹ Đại lý phân phối sẽ chịu trách nhiệm thông báo và yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp thêm tài liệu bổ sung để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.
- 3.13.2.4. Việc tuân thủ FATCA có thể làm cho quy trình KYC kéo dài và do vậy có thể dẫn tới việc chậm trễ thời gian xử lý đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ hoặc mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.

4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

Tần suất xác định, Phương pháp xác định và hình thức công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và được nêu chi tiết tại Điều 2.2.8, Điều 2.5.1 và Điều 2.5.2 Chương X Bản cáo bạch này.

5. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết

5.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ trên HOSE

Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.

5.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE

Nhà đầu tư thực hiện mua/bán Chứng chỉ quỹ đã niêm yết trên HOSE theo quy chế giao dịch chứng khoán của HOSE, và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- 5.2.1. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC.
- 5.2.2. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE.
- 5.2.3. Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán.
- 5.2.4. Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:
 - 5.2.4.1. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - 5.2.4.2. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ Giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (số Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc
 - 5.2.4.3. Giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

5.3. Chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau

- 5.3.1. Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10%);
- 5.3.2. Không thể xác định được Chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân Bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số;
- 5.3.3. Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 69 của Điều lệ;
- 5.3.4. Số lượng Thành viên lập quỹ không còn đủ hai (02) thành viên trong thời hạn sáu (06) tháng liên tiếp;
- 5.3.5. Tổ chức kiểm toán không chấp nhận thực hiện kiểm toán hoặc có ý kiến không chấp nhận hoặc từ chối cho ý kiến đối với báo cáo năm tài chính gần nhất của Quỹ;
- 5.3.6. Công ty quản lý quỹ vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm của Quỹ trong ba (03) năm liên tiếp;
- 5.3.7. UBCKNN, HOSE phát hiện Công ty quản lý quỹ giả mạo hồ sơ hoặc hồ sơ chứa đựng thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của Nhà đầu tư;
- 5.3.8. Công ty quản lý quỹ tiếp tục vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng chỉ quỹ ETF sau khi đã bị kiểm soát;
- 5.3.9. Công ty quản lý quỹ thay đổi Sở Giao dịch Chứng khoán niêm yết Chứng chỉ quỹ ETF;
- 5.3.10. Trong trường hợp HOSE xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi các Nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN;
- 5.3.11. Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá tám mươi phần trăm (80%) mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE, đồng thời công bố thông tin theo quy định trong vòng hai mươi tư giờ (24h), ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá tám mươi phần trăm (80%) mức sai lệch tối đa.

XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/hàng năm đã được soát xét/kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của pháp luật sẽ được trình bày tại Đại hội Nhà đầu tư và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ tại đường dẫn www.vietcapital.com.vn

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ

Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ được trình bày chi tiết trong các báo cáo tài chính soát xét bán niên/ hàng năm của Quỹ và được công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ tại đường dẫn www.vietcapital.com.vn

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

3.1. Giá dịch vụ giao dịch

Các loại phí/dịch vụ và chi phí/giá dịch vụ liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Công ty quản lý quỹ bảo lưu quyền thay đổi biểu phí/giá dịch vụ này.

Các khoản giá dịch vụ giao dịch như sau:

3.1.1. Giá dịch vụ phát hành

Chi tiết về Giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều 2.5.3 Chương X của Bản cáo bạch.

3.1.2. Giá dịch vụ mua lại

Chi tiết về Giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều 2.5.3 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2. Chi phí/giá dịch vụ điều hành và quản lý Quỹ

Chỉ có các loại phí/dịch vụ và các chi phí/giá dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ. Các phí/giá dịch vụ dưới đây là các mức đang áp dụng và các phí/giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai.

3.2.1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ

Chi tiết về Giá dịch vụ quản lý Quỹ được quy định tại Điều 2.6.1 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.2. Giá dịch vụ lưu ký

Chi tiết về Giá dịch vụ lưu ký được quy định tại Điều 2.6.2 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.3. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Chi tiết về Giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định tại Điều 2.6.3 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.4. Giá dịch vụ giám sát Quỹ

Chi tiết về Giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định tại Điều 2.6.4 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.5. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Chi tiết về Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được quy định tại Điều 2.6.5 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.6. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu

Chi tiết về Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được quy định tại Điều 2.6.6 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.7. Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV)

Chi tiết về Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV) được quy định tại Điều 2.6.7 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.8. Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

3.2.9. Thù lao Ban đại diện Quỹ

Chi tiết về thù lao Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 2.6.9 Chương X của Bản cáo bạch.

3.2.10. Chi phí khác

3.2.10.1. Chi phí/giá dịch vụ trả cho Thành viên lập quỹ;

3.2.10.2. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;

3.2.10.3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;

3.2.10.4. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;

3.2.10.5. Các chi phí khác được Pháp luật cho phép.

3.2.10.6. Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục trong báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ được xác định theo công thức sau

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ của Quỹ

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào} + \text{Tổng giá trị bán ra}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

5.1. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có thu nhập từ các nguồn sau:

- 5.1.1. Cổ tức;
- 5.1.2. Lãi tiền gửi;
- 5.1.3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
- 5.1.4. Các khoản thu nhập khác.

5.2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận

- 5.2.1. Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ quỹ tương ứng của Nhà đầu tư, đảm bảo nguyên tắc:
 - 5.2.1.1. Lợi tức phân phối cho các Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật;
 - 5.2.1.2. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
 - 5.2.1.3. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo: (i) có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn; và (ii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn năm mươi tỷ (50.000.000.000) Đồng Việt Nam;
 - 5.2.1.4. Trong trường hợp phân chia lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân chia căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- 5.2.2. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư theo mẫu mà pháp luật quy định.
- 5.2.3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- 5.2.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư và cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung đối với thông tin, báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán, cũng như các kết quả đầu tư minh họa trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Tất cả các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của UBCKNN, báo cáo soát xét bán niên/ hàng năm đã được soát xét/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của pháp luật được công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ tại đường dẫn www.vietcapital.com.vn

XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty quản lý quỹ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Ban đại diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Giao dịch với người có liên quan của VCAM sẽ cấu thành xung đột lợi ích tiềm tàng. Người có liên quan của VCAM bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị của VCAM, thành viên Ban điều hành (Giám đốc, Phó giám đốc) của VCAM và các tổ chức, cá nhân khác được coi là người có liên quan của theo quy định của Pháp luật.

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và vì lợi ích của Nhà đầu tư, theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi VCAM và phải được công bố cho Nhà đầu tư. Tuy nhiên VCAM sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích mà không thể quản lý được một cách thích đáng.

Người có liên quan của VCAM được phép giao dịch Chứng chỉ quỹ theo phương thức giống như các Nhà đầu tư khác như quy định tại Điều lệ Quỹ.

Theo quy định pháp luật, tất cả các giao dịch Chứng chỉ quỹ của Ban điều hành và nhân viên phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi thực hiện giao dịch.

XIV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ lục 01: Quy trình và hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Phụ lục 02: Danh sách các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ được lựa chọn.

Phụ lục 03: Các đối tác liên quan.

Phụ lục 04: Các mẫu đơn đính kèm.

Phụ lục 05: Dự thảo Điều lệ Quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chi Minh Châu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG
TY QUẢN LÝ QUỸ

Nguyễn Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



Phạm Phú Hợp
Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ tại các lần giao dịch tiếp theo sau giai đoạn phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu

Giao dịch hoán đổi (giao dịch sơ cấp)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu quỹ

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ, Nhà đầu tư nên hiểu rõ về Quỹ thông qua các tài liệu như Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ.

Bước 2: Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ tại Thành viên lập quỹ (nếu chưa có)

Nhà đầu tư chưa có tài khoản giao dịch chứng khoán tại Thành viên lập quỹ thì cần mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại một (01) Thành viên lập quỹ và ký hợp đồng dịch vụ về Giao dịch hoán đổi

Bước 3: Thực hiện Giao dịch hoán đổi và xác nhận kết quả giao dịch

Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ chi tiết cách thức Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Chương XI của Bản cáo bạch trước khi tiến hành giao dịch.

Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE (giao dịch thứ cấp)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu Quỹ & mở tài khoản chứng khoán.

- Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ, Nhà đầu tư nên hiểu rõ về Quỹ thông qua các tài liệu như Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ.
- Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại Công ty chứng khoán (nếu chưa có) để có thể đặt lệnh giao dịch.

Bước 2: Thực hiện giao dịch.

- Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch mua hoặc bán mã xxxxxxxx trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình;
- Nhà đầu tư sẽ giao dịch theo giá được niêm yết trên HOSE theo các quy định khớp lệnh của HOSE.

Bước 3: Xác nhận giao dịch.

- Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả giao dịch từ Công ty chứng khoán sau khi khớp lệnh;
- Chứng chỉ quỹ về tài khoản của Nhà đầu tư sẽ được lưu chuyển thông qua hệ thống lưu ký của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam – VSDC. Việc thanh toán Chứng chỉ quỹ giao dịch sẽ được thực hiện theo kết quả đã được khớp lệnh và theo thời hạn là Ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày giao dịch (T+2) về theo nguyên tắc chuyển giao Chứng chỉ quỹ đồng thời với thanh toán tiền (DVP).

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH, ĐỊA CHỈ CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)

- Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999 và các giấy phép điều chỉnh
- Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Danh sách Điểm nhận lệnh của BVSC hiện tại:

STT	Địa điểm phân phối	Địa chỉ trụ sở	Số giấy phép thành lập và hoạt động /Quyết định thành lập phòng giao dịch
1	Phòng Giao dịch Hội sở thuộc Trụ Sở Chính	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999 và các giấy phép điều chỉnh
2	Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (thuộc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh)	Tầng trệt, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 52/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/01/2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Vietcap”)

- Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 06/11/2007
- Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Danh sách Điểm nhận lệnh của Vietcap hiện tại:

STT	Địa điểm phân phối	Địa chỉ trụ sở	Số giấy phép thành lập và hoạt động /Quyết định thành lập phòng giao dịch
1	Trụ sở chính tại: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 06/11/2007

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”)

- Địa chỉ: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 11/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003
- Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Danh sách Điểm nhận lệnh của HSC hiện tại:

STT	Địa điểm phân phối	Địa chỉ trụ sở	Số giấy phép thành lập và hoạt động /Quyết định thành lập phòng giao dịch
1	Hội sở chính: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 11/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003

PHỤ LỤC 3. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN

Ngân hàng lưu ký, giám sát và quản trị quỹ

Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (sau đây gọi là Ngân hàng giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003.

Đại lý chuyển nhượng

Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoạt động theo Quyết định thành lập: 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) là đơn vị thay mặt Công ty quản lý quỹ thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến dịch vụ Đại lý chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ theo quy định của Pháp luật.

PHỤ LỤC 4. CÁC MẪU ĐƠN GIAO DỊCH ĐÍNH KÈM

STT	Tên mẫu biểu
1	Giấy đăng ký góp vốn lập Quỹ
2	Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn
3	Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa
4	Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi
5	Giấy đề nghị sửa/hủy lệnh giao dịch hoán đổi
6	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF (kèm theo bảng kê chứng khoán cơ cấu và bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng khoán cơ cấu).
7	Lệnh giao dịch hoán đổi lô chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu (kèm theo văn bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng chỉ quỹ).

GIẤY ĐĂNG KÝ GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF TRONG GIAI ĐOẠN IPO
REGISTRATION FOR ETF CREATION ORDER DURING IPO

Kính gửi | To: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
Authorized Participant/Distributor
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Viet Capital Asset Management Joint Stock Company (VCAM)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

Nhà Đầu Tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại khoản tiền chênh lệch hoặc trường hợp giao dịch không hợp lệ hoặc đợt chào bán không thành công | In case the creation request is invalid or the IPO is not successful or the Cash Component shall be refunded to Investor's account with details as below:

Tên chủ tài khoản ngân hàng | Bank account name

Số tài khoản | Bank account number

Tại ngân hàng | Bank name

Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) | Branch (Province/City)

2 THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/CREATION REQUEST DETAILS

Căn cứ vào Thông Báo Về Việc Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ ETF lần đầu lập Quỹ ETF của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tôi/Chúng tôi đăng ký đặt mua số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF phát hành lần đầu lập Quỹ ETF như sau

Pursuant to the Initial Public Offering (IPO) Announcement of ETF managed by VIEP CAPITAL ASSET MANAGEMENT JSC, I/We would like to register to purchase ETF Creation Units as below:

Mã ETF ETF Code	Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF đặt mua Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về việc đăng ký góp vốn và thực hiện góp vốn lập Quỹ tại Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ và hướng dẫn của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

I am/We are committed to comply with all the regulations of contribution registration and establishment of Fund as stipulated in the Prospectus, Fund Charter, and guidelines from VIEP CAPITAL ASSET MANAGEMENT JSC.

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for our above request.

Nhà Đầu Tư <i>Investor</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)
Ngày Date: _____

3 THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/AUTHORISED PARTICIPANT, DISTRIBUTOR'S DETAIL

Tên Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối | *Authorised Participant/ Distributor 's Name*

Nhân Viên Nhận Lệnh <i>Order receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Nhân Viên Kiểm Soát <i>Supervisory office</i> (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Đại Diện Có Thẩm Quyền Thành Viên Lập Quỹ/ Đại Lý Phân Phối <i>Authorized Rep. of Authorised Participant/ Distributor</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)
Ngày Date: _____	Ngày Date: _____	Ngày Date: _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA VÀ CHUYỂN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
REQUEST OF FREEZING AND TRANSFERRING THE OWNERSHIP OF COMPONENT SECURITIES

Kính gửi | To: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
Authorized Participant/Distributor
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

Căn cứ vào thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM), Tôi/Chúng tôi đã đăng ký đặt mua số lượng Chứng chỉ quỹ ETF như sau:

| Pursuant to the Initial Public Offering (IPO) Announcement of ETF certificates managed by Viet Capital Asset Management Joint Stock Company (VCAM), I/We have registered to purchase ETF Creation Units as below:

Mã ETF Code	Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF đặt mua Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số chứng khoán trên các tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi đã nêu tại Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn gửi đính kèm Giấy này theo đúng quy định để lập Quỹ. Khi đợt phát hành thành công, đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chủ động chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn nêu trên cho Quỹ ETF nêu trên và chuyển các chứng chỉ quỹ ETF mà Tôi/Chúng tôi đặt mua vào tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi theo thông tin dưới đây:

I/We hereby kindly request Authorized Participant(s) and Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze securities in my/our depository account(s) mentioned in the "List of the component securities" as attached. After the IPO, you are kindly requested to automatically transfer the above component securities to ETF and transfer ETF units which I/We have subscribed to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư | *Full name of Investor*

Số tài khoản lưu ký | *Depository account number*

Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản | *Depository Member*

Tôi/Chúng tôi cam kết số chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. (Văn bản xác nhận của Thành viên nơi Tôi/Chúng tôi mở tài khoản đính kèm).

I am/We are committed that the Component Securities are of my/our lawfully ownership, transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. (The Confirmation of Depository Member(s) as attached)

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

Nhà Đầu Tư

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày | Date: _____

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN
(ĐỂ THỰC HIỆN GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF)
SECURITIES CONFIRMATION REQUEST
(TO SUBSCRIBE FOR ETF CREATION UNITS)

Kính gửi | To: - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

2 THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục đính kèm.

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Bổ túc hồ sơ phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF.

Purpose of request: To complete ETF IPO participation documents.

Mã CCQ ETF ETF Code	Ngày giao dịch hoán đổi Exchange transaction date	Ngày thanh toán Settlement date

Thời gian phong tỏa: Trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF cho đến khi có thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này.

Time of freezing: Until the time of receiving the notice of releasing or transferring the securities ownership from Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

3 CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.
I/We commit to using this certification document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ
DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION
Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản đã có đủ chứng khoán như đã nêu trên để thực hiện việc bán và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản.
I/We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have frozen the account according to the request of the account holder.

NHÀ ĐẦU TƯ <i>Investor</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____	Đại diện có thẩm quyền <i>Authorised Representative</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____
---	--

STT <i>No</i>	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Quantity</i>
1	...	
2	...	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN
(ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI MUA)
(Đính kèm Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi mua)
SECURITIES CONFIRMATION REQUEST
(TO EXCHANGE FOR ETF CREATION UNITS)
(Attached with Creation Order)

Kính gửi | To: - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

2 THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên tài khoản lưu ký nêu trên của Tôi/Chúng tôi theo danh mục sau

We hereby request Depository member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached:

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng Chỉ Quỹ ETF như sau:

Purpose: Freezing the securities to exchange for ETF Creation Units as follows:

Mã CCQ ETF ETF Code	Ngày giao dịch hoán đổi Exchange Transaction Date	Ngày thanh toán Settlement Date

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Time of freezing: From exchange transaction date to settlement date

3

I/we commit to using this certification document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of securities as described in the attached table and such securities are transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability and have been frozen according to the request of Account Holder.

NHÀ ĐẦU TƯ <i>Investor</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____	Đại diện có thẩm quyền <i>Authorised Representative</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____
---	--

STT No	Mã chứng khoán Stock code	Số lượng Quantity
1	...	
2	...	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC SỐ DƯ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI BÁN)
(Đính kèm Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi bán)
ETF CREATION UNITS CONFIRMATION REQUEST
(TO EXCHANGE FOR COMPONENT SECURITIES)
(Attached with Redemption Order)

Kính gửi | To: - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

2 THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau:

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable in TF U my/our Depository Account as follows

Mã ETF ETF Code	Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký Number of transferable ETF Units in Depository Account

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

Purpose: Freezing the ETF Units to exchange for Component Securities as follows

Mã CCQ ETF ETF Code	Ngày giao dịch hoán đổi Exchange Transaction Date	Ngày thanh toán Settlement Date

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Time of freezing: From exchange transaction date to settlement date

3 CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.
I/We commit to using this certification document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ
DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION
Chúng tôi tại đây xác nhận rằng Chủ Tài Khoản có đủ số dư Chứng Chỉ Quỹ ETF như đã nêu trên tài khoản và số Chứng Chỉ Quỹ ETF này đã được phong tỏa theo yêu cầu của Chủ Tài Khoản.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of ETF Units as described above and such ETF Units have been frozen according to the request of the Account Holder.

NHÀ ĐẦU TƯ <i>Investor</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____	Đại diện có thẩm quyền <i>Authorised Representative</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i> Ngày Date: _____
---	--

BẢNG KẾ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU HOÀN ĐỔI
CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(Đính kèm Phiếu lệnh giao dịch hoàn đổi mua)
LIST OF COMPONENT SECURITIES

FOR EXCHANGE THE COMPONENT SECURITIES FOR ETF CREATION UNITS

(Attachment of Request of freezing and transferring the ownership of component securities for ETF creation order)

STT No.	Danh mục chứng khoán cơ cấu cần góp vốn tương ứng theo số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua Basket of in-kind securities required for contribution corresponding to the number of ETF creation units subscribed		Thông tin về số lượng chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để góp vốn (*) Information of the component securities and the depository account(s)			
			Thành viên lưu ký 1 Depository Member 1	Thành viên lưu ký 2 Depository Member 2	Thành viên lưu ký 3 Depository Member 3	Thành viên lưu ký 4 Depository Member 4
			Mã Chứng khoán Securities code	Tổng Số lượng Total Quantity	Số lượng Quantity	Số lượng Quantity
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
...						

Thông tin về số lượng chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để góp vốn đã được các Thành viên nơi mở tài khoản xác nhận theo các văn bản đính kèm
Information on the component securities and the depository account(s) is certificated by Depository Members as attached
Các chứng khoán cơ cấu trong danh mục được góp thay thế bằng tiền (nếu có):
Information of Component Securities which is allowed to be contributed by cash (if any):

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Quantity	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu Cash equivalent to 1 stock	Tổng giá trị tiền góp thay thế Total substitute cash value	Lý do được góp thay bằng tiền Reason for cash contribution

Nhà Đầu Tư
Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày | Date: _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY/SỬA GIAO DỊCH MODIFICATION/CANCELLATION REQUEST

Kính gửi | To: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
 Authorized Participant/Distributor
 - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
 Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

2 THÔNG TIN HỦY/ĐIỀU CHỈNH LỆNH | CANCELLATION/MODIFICATION DETAILS

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị sửa/hủy lệnh giao dịch cho

- Giao dịch IPO
- Kỳ giao dịch hoán đổi ngày/...../.....

Cụ thể như sau

I/We request to modify/cancel the trading order for

- IPO period
- Trading date/...../.....

Detail as follows

Mã ETF ETF Code	Loại lệnh Type of Request	Thông tin lệnh ban đầu Information of original request	Thông tin lệnh điều chỉnh Information of modified request	Lý do điều chỉnh Reason of Modification
		Số lượng đặt lệnh Quantity	Số lượng đặt lệnh Quantity	

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên.

I/We hereby declare that all information given in this form is true and accurate. I/We propose that the Authorized Participant shall

modify my/our creation/redemption request.

NHÀ ĐẦU TƯ / Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày | Date: _____

3 THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ /AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS

Xác nhận của TVLQ/ĐLPP Đồng ý cho Nhà đầu tư/TVLQ điều chỉnh/hủy lệnh giao dịch:

Authorized Participant/Distributors confirm for Investors/AP to modify/cancel the request

Tên Thành viên lập quỹ | Authorised Participant's name

Nhân Viên Nhận Lệnh Order receiver (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Nhân Viên Kiểm Soát Supervisory office (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ Authorised representative of Authorised Participant (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)
Ngày Date: _____	Ngày Date: _____	Ngày Date: _____

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

CREATION ORDER OF EXCHANGING COMPONENT SECURITIES FOR ETF CREATION UNITS

Kính gửi | To: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
Authorized Participant/Distributor
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng số tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua các chứng khoán hạn chế | In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account as follows:

Tên chủ tài khoản ngân hàng | Bank account name

Số tài khoản | Bank account number

Tại ngân hàng | Bank name

Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) | Branch (Province/City)

2 THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

I/We register to exchange Component Securities for ETF Creation Units as follows:

Mã ETF ETF Code	Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số chứng khoán trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê chứng khoán cơ cấu hoán đổi" đính kèm theo lệnh hoán đổi này.

I/We kindly request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze Component Securities in my/our depository account(s) mentioned in the "List Of Component Securities" form as attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện đang bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số tài khoản lưu ký | Securities Depository Account

Tại ngân hàng | Bank name

Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản | Depository Member

3 CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc và chấp nhận các quy định trong Bản cáo bạch liên quan đến việc nộp bổ sung cho Quỹ ETF các khoản tiền trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng khoán cơ cấu có sự kiện doanh nghiệp phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi.

I/We confirm that we have read and accepted all the terms in the Prospectus regarding the commitment to transfer additional cash to ETF in case the securities in Basket of Component Securities have corporate actions but ETF can not record due to the transfer of ownership has not been completed in the exchange transaction period.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

Nhà Đầu Tư

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày | Date: _____

4 THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ / AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS

Tên Thành viên lập quỹ | Authorised Participant's name

Nhân Viên Nhận Lệnh Order receiver (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Nhân Viên Kiểm Soát Supervisory office (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ Authorised representative of Authorised Participant (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)
Ngày Date: _____	Ngày Date: _____	Ngày Date: _____

**LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU**
REDEMPTION ORDER OF EXCHANGE OF ETF CREATION UNITS FOR COMPONENT SECURITIES

Kính gửi | To: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
Authorized Participant/Distributor
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

1 THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ | INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch | Business License No./Identification No./Trading code

Ngày cấp | Issuing date

Nơi cấp | Issuing Place

Quốc tịch | Nationality

Số điện thoại | Phone number

Mã số thuế | PIT no

Số tài khoản lưu ký | Depository account number

Địa chỉ liên hệ | Contact address

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc tiền bán từ chứng khoán bị giữ lại do vượt hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật | In case that the Net Asset Value of ETF Creation Units is higher than the value of Component Securities or in the case of selling securities that investor is limited to hold, the cash amount incurred shall be transferred to investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản ngân hàng | Bank account name

Số tài khoản | Bank account number

Tại ngân hàng | Bank name

Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) | Branch (Province/City)

2 THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

I/We register to exchange ETF Creation Units for Component Securities as follows:

Mã ETF ETF Code	Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt bán Number of ETF Creation Units registered for redemption

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số Lô chứng chỉ quỹ ETF trên (các) Tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê Chứng chỉ quỹ ETF" đính kèm lệnh hoán đổi này.

I/We kindly request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze ETF Creation Units in my/our Depository Account(s) mentioned in the "List of ETF Creation Units" form as attached.

Chúng tôi cam kết số Chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I am/We are committed that the ETF Creation Units for exchange which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản chứng khoán cơ cấu mà Tôi/Chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi như sau:

I/We kindly request VSDC to transfer automatically the Component Securities that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư | Full name of Investor

Số tài khoản lưu ký | Securities Depository Account

Tại ngân hàng | Bank name

Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản | Depository Member

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

Nhà Đầu Tư

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày | Date: _____

3 THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS

Tên Thành viên lập quỹ | Authorised Participant

Nhân Viên Nhận Lệnh Order receiver (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Nhân Viên Kiểm Soát Supervisory office (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)	Đại Diện Có Thẩm Quyền Thành Viên Lập Quỹ Authorized Rep. of Authorised Participant (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)
Ngày Date: _____	Ngày Date: _____	Ngày Date: _____

PHỤ LỤC 5. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND
(VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF)

Tháng Năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	13
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	13
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ.....	13
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	13
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	13
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô chứng chỉ quỹ chào bán lần đầu.....	13
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ.....	14
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	15
Điều 7. Ngân hàng giám sát	15
CHƯƠNG II	16
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	16
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	16
Điều 9. Chiến lược đầu tư	16
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	17
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ	18
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	18
CHƯƠNG III.....	19
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	19
Điều 13. Nhà đầu tư.....	19
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	20
Điều 15. Điều kiện đối với Nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi.....	21
Điều 16. Sổ đăng ký Nhà đầu tư.....	21
Điều 17.....Giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)	23
Điều 18. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	29
Điều 19. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)....	30
Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại.....	30
Điều 21. Thừa kế Chứng chỉ quỹ.....	31
Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	31
CHƯƠNG IV.....	32
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	32
Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư.....	32
Điều 24. Đại hội Nhà đầu tư bất thường.....	32
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư	33
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	35
CHƯƠNG V	36

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	36
Điều 27. Ban đại diện Quỹ	36
Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	37
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	37
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ	38
Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.....	38
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ ..	38
Điều 33. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	39
Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ	39
Điều 35. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ.....	40
CHƯƠNG VI	40
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	40
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ.....	40
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	40
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	43
Điều 39. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ	44
CHƯƠNG VII	45
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	45
Điều 40. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	45
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	45
Điều 42. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát	46
Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát.....	47
CHƯƠNG VIII	48
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	48
Điều 44. Các hoạt động được ủy quyền	48
Điều 45. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	48
Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	48
Điều 47. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	50
Điều 48. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	50
CHƯƠNG IX	51
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG	51
Điều 49. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ	51
Điều 50. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ.....	51
Điều 51. Tổ chức tạo lập thị trường	53
CHƯƠNG X	53
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	53
Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối.....	53
Điều 53. Hoạt động của Đại lý phân phối.....	53

Điều 54. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ.....	54
Điều 55. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối	55
CHƯƠNG XI.....	56
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	56
Điều 56. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán.....	56
Điều 57. Năm tài chính.....	56
Điều 58. Chế độ kế toán.....	56
Điều 59. Báo cáo tài chính.....	56
Điều 60. Báo cáo khác.....	56
CHƯƠNG XII	56
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	56
Điều 61. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	57
Điều 62. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	58
Điều 63. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng.....	59
Điều 64. Đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư.....	59
CHƯƠNG XIII.....	59
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	59
Điều 65. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát	59
Điều 66. Thu nhập của Quỹ	60
Điều 67. Chi phí hoạt động của Quỹ	61
Điều 68. Phân chia lợi tức của Quỹ	61
CHƯƠNG XIV.....	62
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ	62
Điều 69. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	62
Điều 70. Chia, tách Quỹ	62
Điều 71. Giải thể Quỹ	62
CHƯƠNG XV	64
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	64
Điều 72. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ.....	64
CHƯƠNG XVI.....	64
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	64
Điều 73. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư	64
Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	65
Điều 75. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành.....	65
PHỤ LỤC 1.....	67
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	67
PHỤ LỤC 2.....	69
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	69

PHỤ LỤC 3.....	70
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	70
PHỤ LỤC 4.....	71
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN.....	71

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025; và
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 do nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025; và
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025; và
- Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 /01/2026; và
- Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 102/2025/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/10/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2025; và
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2026; và
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư

nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 30/06/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/08/2021; và

- Thông tư 20/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 05/05/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/06/2025; và
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2025; và
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; và
- Thông tư 181/2015/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 13/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; và
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 05/09/2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019; và
- Thông tư số 88/2025/TT - BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam ban hành ngày 03/09/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2025; và
- Thông tư số 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 19/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2018; và
- Thông tư số 73/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/8/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2020; và
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “Quỹ” hoặc “ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND”** : Là Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ, được tổ chức và hoạt động theo Pháp luật. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- “Công ty quản lý quỹ”** : Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ được ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.
- “Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh” (HOSE)** : Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- “Thành viên lập quỹ”** : Là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND với Công ty quản lý quỹ.
- “Tổ chức tạo lập thị trường”** : Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường cho Quỹ.
- “Chỉ số tham chiếu” hoặc “Chỉ số VNDIVIDEND” (VNDIVIDEND)** : Là chỉ số “VNDIVIDEND” do HOSE xây dựng và quản lý, bao gồm các cổ phiếu thành phần trên HOSE có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt, đáp ứng đầy đủ các điều kiện sàng lọc và các tiêu chí theo quy định trong quy tắc chỉ số.
Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
- “Chứng khoán cơ cấu”** : Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
- “Danh mục chứng khoán cơ cấu”** : Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công

ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô chứng chỉ quỹ.

“Ngân hàng giám sát”

: Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 41 Điều lệ này.

“Công ty kiểm toán”

: Là một Công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, chấp thuận theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.

“Điều lệ” hoặc “Điều lệ Quỹ”

: Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp lệ tại từng thời điểm (nếu có).

“Bản cáo bạch”

: Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành, mua lại và lưu hành Chứng chỉ quỹ.

“Hợp đồng giám sát”

: Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

“Nhà đầu tư”

: Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, có sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.

“Đại hội Nhà đầu tư”

: Là Đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và tại Điều lệ này. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Ban đại diện Quỹ”

: Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.

“Người có liên quan”

: Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

“Vốn điều lệ”

: Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi tại Điều 4 Điều lệ này.

- “Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND” hoặc “Chứng chỉ quỹ”** : Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND. Mệnh giá một (01) Chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) Đồng Việt Nam.
- “Lô chứng chỉ quỹ”** : Là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế Hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Một Lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ hoặc một số lượng Chứng chỉ quỹ khác được Công ty quản lý quỹ điều chỉnh tùy từng thời điểm nhưng vẫn phải đảm bảo một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ.
- “Giá phát hành lần đầu”** : Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư để thu lại Danh mục chứng khoán cơ cấu.
- Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một Lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm Giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
- “Giá giao dịch hoán đổi”** : Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và ngược lại.
- Giá giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một Lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là **“Giá phát hành”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng với Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- Giá giao dịch hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là **“Giá mua lại”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi trừ đi Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- “Giá trị giao dịch”** : Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một Lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng Lô chứng chỉ quỹ được phân phối.
- Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi, bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng Lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.
- “Giá dịch vụ phát hành”** : Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch Hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

- “Giá dịch vụ mua lại”** : Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
- “Giá dịch vụ quản lý Quỹ”** : Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đã được quy định tại Điều lệ này.
- “Lợi tức quỹ”** : Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
- “Lệnh giao dịch hoán đổi”** : Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ; và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
- “Hoán đổi danh mục”** : Là việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán đổi danh mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch.
- “Giá trị tài sản ròng” hoặc “NAV”** : Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại trước Ngày định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.
- “Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ”** : Bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.
- “Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ” hoặc “iNAV”** : Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, được xác định trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi HOSE.
iNAV là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch.
- “Năm tài chính”** : Được quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.
- “Thời điểm đóng sổ lệnh”** : Là thời điểm cuối cùng mà thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư, được quy định chi tiết tại Điều 17.3 Điều lệ này.
- “Ngày định giá”** : Là một Ngày làm việc mà tại ngày đó Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.

- “Ngày giao dịch hoán đổi”** : Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
- “Thời điểm đóng sổ lệnh”** : Là thời điểm cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận Lệnh giao dịch hoán đổi để thực hiện vào Ngày giao dịch hoán đổi tương ứng.
- Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ của Quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của HOSE.
- “Điểm nhận lệnh”** : Là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Đại lý phân phối hoặc Thành viên lập quỹ được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư.
- “Ngày làm việc”** : Là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của Pháp luật) mà tại ngày đó thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
- “Sổ tay định giá”** : Là tài liệu do Công ty quản lý quỹ lập ra được Ban đại diện Quỹ phê duyệt nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định Pháp luật.
- “VNĐ” hoặc “Đồng Việt Nam” hoặc “đồng”** : Là đồng tiền pháp định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- “UBCKNN”** : Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
- “VSDC”** : Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
- Các định nghĩa khác** : Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : **VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF**
- Tên viết tắt : **VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF**

Địa chỉ liên hệ : Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3823 9909

Fax : (84-28) 3824 6329

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được hoạt động kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi bị chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- 3.1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên HOSE; hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định của Điều lệ này.
- 3.2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán đổi danh mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- 3.3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- 3.4. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để: (i) giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát; và (ii) thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định pháp luật.
- 3.5. Công ty quản lý quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
- 3.6. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô chứng chỉ quỹ chào bán lần đầu

- 4.1. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng là số vốn thực tế huy động hợp lệ trong đợt chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ; số vốn này tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia cho mệnh giá của một Chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười nghìn) Đồng Việt Nam để được số Chứng chỉ quỹ tương ứng.



- 4.2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ.
- 4.3. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập quỹ bằng việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ do Quỹ phát hành. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện trong một số trường hợp theo quy định tại khoản 4.4 Điều này. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các Lô chứng chỉ quỹ phân phối cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
- 4.4. Ngoài việc Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có thể tham gia góp vốn thành lập Quỹ bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau đây:
- 4.4.1. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành của Lô chứng chỉ quỹ;
- 4.4.2. Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, các chứng khoán đó thuộc Danh mục chứng khoán cơ cấu mà khi Thành viên lập Quỹ, Nhà đầu tư mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ;
- 4.4.3. Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn;
- 4.4.4. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền theo quy trình quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 4.5. Quỹ không bị giới hạn số lượng Chứng chỉ quỹ tối đa được phép phát hành hay lưu hành, trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.
- 4.6. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 4.7. Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Danh mục chứng khoán cơ cấu này sẽ được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
- 4.8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ

Quỹ chỉ định Công ty quản lý quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ quỹ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ là đại diện pháp luật của Quỹ chào bán Chứng

chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Tên Công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Viet Capital Asset Management JSC
- Tên viết tắt : VCAM

Giấy phép hoạt động số : Giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3823 9909

Fax : (84-28) 3824 6329

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Tên Ngân hàng giám sát

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch

Giấy phép hoạt động số : Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003.

Địa chỉ trụ sở chính : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOS số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-28) 3821 8812

Fax : (84-28) 3914 4714

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu trước khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNDIVIDEND do HOSE xây dựng và quản lý.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng của quỹ so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của pháp luật như được quy định cụ thể tại Điều 9.1.1 của Điều lệ này.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1. Chiến lược đầu tư

9.1.1. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ so với Chỉ số tham chiếu của Quỹ không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định pháp luật, trong đó mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu được xác định theo quy định tại Phụ lục số XIX của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định liên quan của HOSE (có thể được thay đổi và điều chỉnh tùy từng thời điểm).

9.1.2. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.

9.1.3. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công ty quản lý quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành.

9.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào tất cả các ngành, nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của quỹ.

9.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

9.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu) và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.

9.3.2. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - đ) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
- 9.3.3. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

10.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- 10.1.1. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 10.1.2. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 10.1.3. Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b và d Điều 9.3.2 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- 10.1.4. Không được đầu tư vào Chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND;
- 10.1.5. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- 10.1.6. Không được đầu tư vào bất động sản;
- 10.1.7. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
- 10.1.8. Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

- 10.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10.1.1, Điều 10.1.2, Điều 10.1.3 và Điều 10.1.5 Điều lệ này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- 10.2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 10.2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - 10.2.3. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - 10.2.4. Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - 10.2.5. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - 10.2.6. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá ba (03) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh.
- 10.3. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điều 10.2.1, Điều 10.2.2, Điều 10.2.3 và Điều 10.2.6 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Điều 10.1 Điều lệ này.
- 10.4. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 10.5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

- 11.1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 11.2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 11.3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, giao dịch cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 12.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tiền gửi ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp

với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.

12.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và công cụ nợ của Chính phủ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.

12.3. Phương pháp lựa chọn đối với cổ phiếu niêm yết: Quỹ đầu tư vào các Chứng khoán cơ cấu cấu thành Chỉ số tham chiếu. Danh mục Chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu). Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ số tham chiếu.

12.4. Phương pháp lựa chọn đối với các tài sản đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

13.1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

13.2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối. Văn bản thông báo phải được ký hợp lệ bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức đó.

13.3. Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý với mức giá giao dịch áp dụng tương tự như đối với các Nhà đầu tư khác.

13.4. Công ty quản lý quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ của Nhà đầu tư và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà đầu tư.

13.5. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

13.6. Cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua Chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn, mua Chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

14.1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:

- 14.1.1. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu;
- 14.1.2. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- 14.1.3. Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này;
- 14.1.4. Được chuyển nhượng hoặc bán Chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- 14.1.5. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- 14.1.6. Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- 14.1.7. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- 14.1.8. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

14.2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ như sau:

- 14.2.1. Chấp hành, tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- 14.2.2. Thanh toán đầy đủ tiền mua số Chứng chỉ quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua trong thời hạn quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
- 14.2.3. Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà đầu tư theo quy định; và
- 14.2.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

14.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 14.3.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- 14.3.2. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - b) Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

14.3.3. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên

quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;

14.3.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

14.3.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

14.4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

14.5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 14.3 và Điều 14.4 Điều lệ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 14.3.2 Điều lệ này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện đối với Nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi

15.1. Nhà đầu tư sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.

15.2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu.

15.3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục thông qua Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

16.1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập, quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sau đây gọi là "**Sổ chính**") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sau đây gọi là "**Sổ phụ**") và xác nhận quyền sở hữu Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

16.2. Sổ chính, Sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:

16.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;

16.2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ quỹ đã bán và tổng

vốn huy động được cho Quỹ;

16.2.3. Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, bao gồm:

- a) Thông tin Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư:
 - i. Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; Số định danh cá nhân hoặc hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc; Số điện thoại liên lạc; Địa chỉ email (nếu có);
 - ii. Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch; Địa chỉ trụ sở chính; Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; Họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- b) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); Số tài khoản Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- c) Số lượng Chứng chỉ quỹ/Lô chứng chỉ quỹ sở hữu; Tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ;
- d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.

16.3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư theo quy định, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

16.4. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.

16.5. Số lượng các Lô chứng chỉ quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSDC theo hướng dẫn của VSDC.

16.6. Nếu có thay đổi thông tin Nhà đầu tư trong sổ đăng ký Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thông báo kịp thời thông tin mới bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để cập nhật vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Việc thay đổi thông tin của Nhà đầu tư chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nhận được thông báo thay đổi thông tin mới này. Trong mọi trường hợp, Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào từ việc không nhận được thông báo thay đổi thông tin của Nhà đầu tư.

Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

17.1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quỹ được niêm yết, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức thực hiện giao dịch Hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch hoán đổi phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

17.2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

17.2.1. Ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày làm việc. Trong trường hợp: Ngày giao dịch hoán đổi không phải là Ngày làm việc; hoặc Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán và/hoặc VSDC không thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch vào ngày đó thì Ngày giao dịch hoán đổi sẽ là Ngày làm việc kế tiếp;

17.2.2. Việc thay đổi Ngày giao dịch hoán đổi sẽ được thông báo trước cho các Điểm nhận lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và HOSE, Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày giao dịch hoán đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Điều lệ này và của pháp luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

17.3. Thời điểm đóng sổ lệnh:

Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (Ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư.

17.4. Việc Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại áp dụng cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

17.4.1. Chỉ Thành viên lập quỹ tham gia giao dịch hoán đổi trực tiếp với Công ty quản lý quỹ;

17.4.2. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

17.4.3. Đơn vị giao dịch hoán đổi tối thiểu là một Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một Lô chứng chỉ quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm ngàn (100.000) Chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ được điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một Lô chứng chỉ quỹ. Thời điểm áp dụng Lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối;

17.4.4. Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi:

- a) Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi: Là các chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;

- b) Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;
- c) Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - i. Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi nếu chứng khoán chỉ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T);
 - Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
 - ii. Đối với Nhà đầu tư: Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện hoán đổi sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

17.4.5. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư sẽ được chuyển đến Thành viên lập quỹ (trường hợp Nhà đầu tư đặt Lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Đại lý phân phối thì Đại lý phân phối sẽ chuyển Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư cho Thành viên lập quỹ) và phải được Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Phiếu lệnh phải được Thành viên lập quỹ lưu trữ theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử; đồng thời phải bảo đảm:

- a) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư;
- b) Nhà đầu tư phải cung cấp cho Thành viên lập quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công ty quản lý quỹ quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập Quỹ và Bản cáo bạch.

17.4.6. Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Được Thành viên lập quỹ chuyển tới VSDC trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch;
- b) Được Công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSDC xác nhận Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có đầy đủ Danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số Lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, Ngân hàng giám sát xác nhận số tiền Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán Chứng chỉ quỹ, số lượng Chứng chỉ quỹ còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ ký với Công ty quản lý quỹ.

17.4.7. Giao dịch Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ tại VSDC. Việc chuyển khoản Danh mục chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của VSDC và Ngân hàng giám sát.

Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện Giao dịch Hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

17.5. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

17.5.1. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE thông tin về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có). Thông tin bao gồm các mã Chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi;

17.5.2. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ này và quy trình được hướng dẫn chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận Lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư do Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do nguyên nhân bất khả kháng thì Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ;

Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSDC;

17.5.3. Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối tự chịu trách nhiệm đối với Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

17.5.4. Sau khi tiếp nhận Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra thông qua VSDC, Ngân hàng giám sát khả năng thực hiện được lệnh của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 17.4.6 Điều lệ này, xác nhận và thực hiện Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo các quy định tại khoản này, quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và hướng dẫn của VSDC;

17.5.5. Trong thời hạn 01 (một) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSDC, Ngân hàng giám sát sẽ hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ

hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ tương ứng vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và ngược lại. Việc tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh từ giao dịch hoán đổi được quy định tại Điều 17.6 Điều lệ này và quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ và VDSC có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

Trong thời hạn 03 (ba) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại Điều 17.6 Điều lệ này theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

17.6. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, ngoại trừ các trường hợp sau:

17.6.1. Khi Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Nhà đầu tư đó mà Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.

17.6.2. Khi hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ, Quỹ phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của Quỹ để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- 17.6.3. Trường hợp Danh mục chứng khoán cơ cấu có các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 17.6.4. Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 17.7. Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của Nhà đầu tư đối với Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phù hợp với quy chế giao dịch của VSDC và HOSE.
- 17.8. Các trường hợp dẫn tới hạn chế khi sở hữu Chứng khoán cơ cấu:
- 17.8.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mà xảy ra các trường hợp sau:
- a) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá hạn mức tối đa được phép sở hữu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư (ngày T+1); hoặc
 - b) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan; hoặc
 - c) Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- 17.8.2. Khi xảy ra trường hợp quy định tại Điều 17.8.1 Điều lệ này, VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư thực hiện như sau:
- a) Trường hợp là Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nước ngoài: Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;
 - b) Đối với các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thuộc quy định tại điểm (b) và (c) Điều 17.8.1 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán số chứng khoán

vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;

- c) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

17.8.3. Trường hợp các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

17.8.4. Trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng khoán cơ cấu này thì Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện như sau:

- a) Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này;
- b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có đủ số lượng cổ phiếu sẵn có và việc bán số lượng cổ phiếu này không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ thì có thể xem xét bán cổ phiếu và thanh toán ngay cho nhà đầu tư mà không cần đợi đến khi nhận được số lượng cổ tức nêu trên; đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
- c) Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này;

17.8.5. Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước;
- b) Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh;
- c) Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh

bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;

- d) Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Ngay khi phát sinh số lượng chứng khoán cần bán hộ, thì số chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công ty quản lý quỹ.

Điều 18. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ

18.1. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

18.1.1. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ số tham chiếu;

18.1.2. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết;

18.1.3. Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

18.1.4. Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;

18.1.5. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc Hoán đổi danh mục do xảy ra nguyên nhân bất khả kháng;

18.1.6. HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ số tham chiếu mà chưa có Chỉ số tham chiếu thay thế;

18.1.7. Công ty quản lý quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ số tham chiếu sang một Chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;

18.1.8. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi bổ sung (nếu có);

18.1.9. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

18.2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 18.1 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

18.3. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tạm ngưng giao dịch. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điều 18.1.1, Điều 18.1.2 và Điều 18.1.3 Điều lệ này, thời hạn tạm ngừng không quá ba (03) Ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

18.4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại Điều 18.3 Điều lệ này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt

động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường về việc giải thể Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 19. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)

19.1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết trên HOSE thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo nguyên tắc sau:

19.1.1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC;

19.1.2. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi Chứng chỉ quỹ niêm yết;

19.1.3. Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

19.2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (có đủ Chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:

19.2.1. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;

19.2.2. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ Giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (Lô Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại

20.1. Giá phát hành: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một Lô chứng chỉ quỹ (bao gồm Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối Ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành lần đầu: là 10.000 (mười nghìn) Đồng Việt Nam/Chứng chỉ quỹ.

20.2. Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

20.3. Giá dịch vụ phát hành:

20.3.1. Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ;

20.3.2. Giá dịch vụ phát hành được tính trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch;

- 20.3.3. Giá dịch vụ phát hành do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- 20.3.4. Giá dịch vụ phát hành lần đầu là 0% (không phần trăm) trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ.
- 20.4. Giá dịch vụ mua lại:
- 20.4.1. Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu;
- 20.4.2. Giá dịch vụ mua lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch;
- 20.4.3. Giá dịch vụ mua lại do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- 20.5. Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối.
- 20.6. Việc điều chỉnh Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và các Thành viên lập quỹ.
- 20.7. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Điều 21. Thừa kế Chứng chỉ quỹ

- 21.1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như tặng cho, thừa kế Chứng chỉ quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.
- 21.2. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 21.3. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công ty quản lý quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà đầu tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

Giá trị Chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Trong trường hợp Giá trị tài sản ròng giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ Đồng Việt Nam, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục trong thời hạn ba (03) Ngày làm việc.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư

- 23.1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
- 23.2. Đại hội Nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
- 23.2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - 23.2.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ này; thay đổi mức phí hay giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - 23.2.3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
 - 23.2.4. Phương án phân phối lợi tức;
 - 23.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - 23.2.6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - 23.2.7. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
 - 23.2.8. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.
- 23.3. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- 23.4. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Nếu có đề nghị của Ban đại diện Quỹ thì thời hạn tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính và phải thông báo cho UBCKNN. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 24. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

- 24.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau đây:
- 24.1.1. Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần

thiết vì quyền lợi của Quỹ;

24.1.2. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định Pháp luật.

24.2. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

24.3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo đúng quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Nếu Công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thay thế cho Công ty quản lý quỹ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

25.1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết (tương ứng với tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành).

25.2. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.1 Điều lệ này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.

25.3. Nhà đầu tư có thể tham gia và biểu quyết đại hội bằng một trong cách hình thức sau:

25.3.1. Trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư; hoặc

25.3.2. Ủy quyền bằng văn bản (bao gồm cả văn bản ủy quyền được đính kèm theo thông báo gửi đến Công ty quản lý quỹ bằng thư điện tử hoặc thư bảo đảm hoặc fax, hoặc văn bản ủy quyền được Nhà đầu tư ký bằng chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật) cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về ủy quyền và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền hợp lệ cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp; hoặc

25.3.3. Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định hiện hành.

25.4. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác được quy định từng thời điểm, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này.

25.5. Đối với các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ), quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.

25.6. Đối với nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- 25.6.1. Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết; và
- 25.6.2. Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 25.7. Quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.5 và Điều 25.6 Điều lệ này.
- 25.8. Trường hợp Công ty quản lý quỹ lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, hoặc hình thức điện tử khác, Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm nguyên tắc gửi các ý kiến cần thông qua dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức hợp pháp nào khác tới tất cả Nhà đầu tư và lấy ý kiến của Nhà đầu tư phù hợp quy định pháp luật.
- 25.8.1. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - Tên Quỹ;
 - Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - Lựa chọn biểu quyết gồm: “Nhất trí”, “Không nhất trí” và “Không có ý kiến”.
 - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư tối thiểu mười (10) Ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
 - Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 25.8.2. Hình thức gửi lại phiếu lấy ý kiến của Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ:
- Nhà đầu tư gửi qua bưu điện, hoặc trực tiếp phiếu lấy ý kiến tới địa chỉ của Công ty quản lý quỹ. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi trong phong bì dán kín; hoặc
 - Nhà đầu tư gửi bằng thư điện tử từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sổ chính hoặc Sổ phụ (nếu có), đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư.
- 25.8.3. Phiếu lấy ý kiến được xem là hợp lệ nếu thỏa mãn các yếu tố sau:
- Phiếu lấy ý kiến do Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà đầu tư hoặc theo mẫu do

Công ty quản lý quỹ đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ;

- b) Phiếu lấy ý kiến không bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung;
- c) Phiếu lấy ý kiến được ký bởi Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ quỹ (nếu là Nhà đầu tư cá nhân); ký bởi người đại diện pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư và đóng dấu (nếu là Nhà đầu tư tổ chức). Chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật của Nhà đầu tư được chấp nhận;
- d) Phiếu lấy ý kiến được gửi lại về cho Công ty quản lý quỹ đúng thời hạn lấy ý kiến như theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;
- đ) Đối với hình thức gửi bằng bưu điện hoặc gửi trực tiếp, phiếu lấy ý kiến được đựng trong phong bì dán kín, và không bị mở trước khi thực hiện kiểm phiếu. Đối với hình thức gửi bằng thư điện tử, phiếu lấy ý kiến được gửi từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sổ chính hoặc Sổ phụ (nếu có), đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư;
- e) Đối với từng nội dung lấy ý kiến, Nhà đầu tư chỉ đánh dấu duy nhất một lựa chọn: “Nhất trí”, hoặc “Không nhất trí”, hoặc “Không có ý kiến”.

25.8.4. Không tham gia biểu quyết:

Các trường hợp sau đây được coi là Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết:

- a) Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư trong Sổ chính hoặc Sổ phụ (nếu có) nhưng bị hoàn trả về theo quy định của bưu điện do địa chỉ Nhà đầu tư đăng ký không chính xác, hoặc không có người nhận thư; hoặc phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ email đã đăng ký của Nhà đầu tư nhưng việc gửi này được báo không thành công trên hệ thống của Công ty quản lý quỹ;
- b) Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty quản lý quỹ theo đúng địa chỉ nhưng sau thời hạn lấy ý kiến;
- c) Phiếu lấy ý kiến không được Nhà đầu tư gửi về được xem như Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết.

25.9. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

25.10. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư khác để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

26.1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Đại lý

phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- 26.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 26.1 Điều lệ này. Trong trường hợp này, mức Giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

- 27.1. Ban đại diện Quỹ bao gồm ba (03) thành viên, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

27.1.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

27.1.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

27.1.3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

- 27.2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là Người có liên quan với Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

- 27.3. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

27.3.1. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

27.3.2. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

27.3.3. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

- 27.4. Trong trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ, hoặc có thành viên Ban đại diện Quỹ không còn

đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 27.2 và Điều 27.3 Điều lệ này, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 27.3 Điều lệ này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

27.5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban đại diện Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật.

27.6. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

28.1. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là ba (03) năm. Thành viên của Ban đại diện Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

28.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

28.2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự; và

28.2.2. Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư.

28.3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:

28.3.1. Thuộc trường hợp là tổ chức, cá nhân không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp; và

28.3.2. Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện Quỹ đại chúng và/hoặc Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và

28.3.3. Theo các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

29.1. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:

29.1.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;

29.1.2. Xem xét, phê duyệt Sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá theo quy định tại Điều 61.3; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này;

29.1.3. Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ);

29.1.4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua hoặc theo quy định tại Điều lệ này; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;

29.1.5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định pháp luật;

29.1.6. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;

29.1.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

30.1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và theo quy định tại Điều lệ này.

30.2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

30.3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

31.1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

31.2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

31.2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;

31.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;

31.2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;

31.2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật có liên quan.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

32.1. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:

32.1.1. Không đủ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;

32.1.2. Có đơn từ chức và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

32.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:

32.2.1. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;

32.2.2. Bị toà án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

32.2.3. Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

32.2.4. Chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của toà án, cơ quan có thẩm quyền;

32.2.5. Tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quỹ;

- 32.2.6. Không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 32.2.7. Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- 32.3. Thành viên Ban đại diện Quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban đại diện Quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.
- 32.4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
- 32.4.1. Số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ;
- 32.4.2. Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- 32.4.3. Trừ trường hợp quy định tại Điều 32.4.1 và Điều 32.4.2 Điều lệ này, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 33. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- 33.1. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- 33.2. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

- 34.1. Các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, dưới hình thức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 34.2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất năm (05) ngày.
- 34.3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp.
- 34.4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- 34.5. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập dự họp thông

qua.

34.6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hỗ trợ về nhân sự, thiết bị kỹ thuật, soạn thảo tài liệu trong các cuộc họp Ban đại diện Quỹ.

Điều 35. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký biên bản họp và có đầy đủ nội dung thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 36.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- 36.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;
- 36.3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- 36.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

37.1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- 37.1.1. Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ và các quy định Pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
- 37.1.2. Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
- 37.1.3. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
 - a) Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - b) Trong trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và phải lưu trữ bản gốc của hợp đồng tiền gửi;
 - c) Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty quản lý quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - d) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tại Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu

ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi;

- e) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
- g) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

37.1.4. Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất;

37.1.5. Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

- a) Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
- b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư;
- c) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ; có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.

37.1.6. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật;

37.1.7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

37.1.8. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- a) Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
- b) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ. Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập.

37.1.9. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

- a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
- b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
- c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty quản lý quỹ với các hoạt động quản lý Quỹ.

37.1.10. Đảm bảo rằng khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty quản lý quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty quản lý quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí hay giá dịch vụ quy định trong Điều lệ này;

37.1.11. Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật;

37.1.12. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay trong trường hợp sau:

- a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là trọng yếu theo quy định của Pháp luật;
- b) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ này;
- c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp được phép đầu tư vượt hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

37.1.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này.

37.2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

37.2.1. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

37.2.2. Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;

37.2.3. Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng

lực hành vi dân sự đầy đủ;

- 37.2.4. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- 37.2.5. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với Đại lý chuyển nhượng, hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành viên lập quỹ;
- 37.2.6. Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- 37.2.7. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- 37.2.8. Được yêu cầu Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, Đại lý phân phối cung cấp thông tin;
- 37.2.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này .

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- 38.1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 38.1.1. Theo đề nghị Ban đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - 38.1.2. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - 38.1.3. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 38.1.4. Công ty quản lý quỹ bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới thay thế đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - 38.1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 38.2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng đối với các trường hợp quy định tại Điều 38.1.1, Điều 38.1.2 và Điều 38.1.4 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 38.3. Trong trường hợp quy định tại Điều 38.1 Điều lệ này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế phải theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- 38.4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ:
 - 38.4.1. Trong trường hợp thay đổi Công ty quản lý quỹ theo Điều 38.1.1 Điều lệ này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí hay giá dịch vụ

đã được quy định tại Điều lệ này) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của Công ty quản lý quỹ.

38.4.2. Mức phí này sẽ bằng:

- a) 3% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động; hoặc
- b) 1,5% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

Điều 39. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

39.1. Công ty quản lý quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), Chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

39.2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.

39.3. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

39.3.1. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ;

39.3.2. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ khác, công ty đầu tư chứng khoán và các khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

39.3.3. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ;

39.3.4. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

39.3.5. Không được đưa ra nhận định hoặc cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

39.4. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 40. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

- 40.1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán: là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, được quyền thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
- 40.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- 40.3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- 40.4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- 40.5. Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ
- 40.6. Ngân hàng giám sát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- 40.7. Ngân hàng giám sát phải đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

41.1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:

- 41.1.1. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư;
- 41.1.2. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- 41.1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định Pháp luật có liên quan và Điều lệ này;
- 41.1.4. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định pháp luật có liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này;
- 41.1.5. Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty quản lý quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty quản lý quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát;
- 41.1.6. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- 41.1.7. Giám sát hoặc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ này, đảm bảo việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- 41.1.8. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý

quỹ; Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, đồng thời có bản sao của văn bản từ chối đó gửi đến UBCKNN;

41.1.9. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;

41.1.10. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ này;

41.1.11. Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này;

41.1.12. Tuân thủ các quy định khác tại Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;

41.1.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

41.2. Quyền của Ngân hàng giám sát

41.2.1. Hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định pháp luật;

41.2.2. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;

41.2.3. Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng giám sát và pháp luật Việt Nam;

41.2.4. Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 42. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

42.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động Ngân hàng giám sát của Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.

42.2. Trách nhiệm của Ngân hàng giám sát trong hoạt động giám sát đầu tư của Công ty quản lý quỹ đối với tài sản của Quỹ:

42.2.1. Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.

42.2.2. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty quản lý quỹ và Người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty quản lý quỹ thực hiện các hoạt động xử lý, khắc

phục kịp thời các hậu quả phát sinh của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

- 42.2.3. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - 42.2.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - 42.2.5. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Luật chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán và tại Điều lệ này;
 - 42.2.6. Xác nhận các báo cáo về Giá trị tài sản ròng của Quỹ, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập.
- 42.3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 - 42.4. Khi Công ty quản lý quỹ có yêu cầu bằng văn bản, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
 - 42.5. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.
 - 42.6. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định pháp luật, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ này.
 - 42.7. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ và/hoặc Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm liên đới đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận dân sự giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

- 43.1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 43.1.1. Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư

cách pháp nhân;

43.1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;

43.1.3. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;

43.1.4. Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;

43.1.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

43.2. Trường hợp thay đổi Ngân hàng giám sát, Quỹ thông qua Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng giám sát có xác nhận của Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ.

43.3. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 44. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền cho các tổ chức khác cung cấp đối với các dịch vụ liên quan dưới đây theo đúng quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan:

44.1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư;

44.2. Dịch vụ đại lý chuyên nhượng;

44.3. Các hoạt động khác (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

45.1. Tiêu chí chung:

45.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

45.1.2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

45.1.3. Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty quản lý quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

45.2. Tiêu chí kỹ thuật:

Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

46.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

46.1.1. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi ủy quyền đã giao, phù

hợp với các quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan; và

46.1.2. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền; được cấp phép hoạt động đăng ký hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của pháp luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại; và

46.1.3. Bên nhận ủy quyền chịu trách nhiệm đối với công việc mà mình thực hiện phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

46.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

46.2.1. Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- c) Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này;
- d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

46.2.2. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- a) Lập và quản lý Sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
- b) Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;
- c) Hỗ trợ Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
- d) Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- đ) Cung cấp cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

46.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

46.3.1. Bên nhận ủy quyền phải lưu trữ các chứng từ, sổ sách có liên quan trong thời hạn mà pháp luật quy định; và

46.3.2. Bên nhận ủy quyền phải xây dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động được ủy quyền một cách thuận tiện và hiệu quả; và

- 46.3.3. Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu liên quan đến các hoạt động được ủy quyền phải được bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan quản lý độc lập, tách biệt với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; và
- 46.3.4. Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu liên quan đến các hoạt động ủy quyền phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động Đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam.
- 46.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ.
- 46.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 47. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

- 47.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.
- 47.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
- 47.3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên.
- 47.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 47.5. Xây dựng quy trình, hệ thống để bảo đảm rằng tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 47.6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.
- 47.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 47.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

- 48.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- 48.1.1. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - 48.1.2. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - 48.1.3. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - 48.1.4. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - 48.1.5. Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
 - 48.1.6. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - 48.1.7. Quỹ bị giải thể;
 - 48.1.8. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- 48.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty quản lý quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty quản lý quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà đầu tư.

CHƯƠNG IX

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 49. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

- 49.1. Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công ty quản lý quỹ.
- 49.2. Trong thời gian mười hai (12) tháng gần nhất trước thời điểm Công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ cho UBCKNN, thành viên lập quỹ phải duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- 49.3. Thành viên lập quỹ phải luôn đảm bảo được số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập Quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ.
- 49.4. Đáp ứng các điều kiện khác quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ.

Điều 50. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

- 50.1. Quyền của Thành viên lập quỹ:
 - 50.1.1. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà đầu tư trong hoạt động Hoán đổi danh mục theo quy định tại của pháp luật hiện hành;
 - 50.1.2. Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ, thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại;
 - 50.1.3. Được vay Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ; hoặc vay các Lô chứng chỉ quỹ để hoán đổi lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay các Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSDC;
 - 50.1.4. Được thực hiện các giao dịch Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đổi

ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch;

50.1.5. Được áp dụng mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại cho Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ.

50.2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:

50.2.1. Nhận Lệnh giao dịch hoán đổi (trực tiếp từ Nhà đầu tư hoặc gián tiếp thông qua Đại lý phân phối) và chuyển Lệnh giao dịch hoán đổi của từng Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ và VSDC một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy trình giao dịch hoán đổi được quy định tại Bản cáo bạch;

50.2.2. Không được tổng hợp, bù trừ Lệnh giao dịch hoán đổi của các Nhà đầu tư. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các Lệnh giao dịch hoán đổi của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE, Thành viên lập quỹ phải thực hiện Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư trước Lệnh giao dịch hoán đổi của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính Thành viên lập quỹ để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ, không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư;

50.2.3. Bảo đảm Nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật;

50.2.4. Quản lý tách biệt tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản của từng Nhà đầu tư, độc lập với tài sản của Thành viên lập quỹ. Không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà đầu tư.

50.2.5. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về Chứng chỉ quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

50.2.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, HOSE, VSDC, Ngân hàng giám sát và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

50.2.7. Vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do nào, Thành viên lập quỹ không được chuyển giao danh sách Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch Chứng chỉ quỹ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp báo cáo theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chuyển giao theo yêu cầu của tổ chức kiểm toán hoặc luật sư của Công ty quản lý quỹ khi có yêu cầu;

50.2.8. Cung cấp và cập nhật liên tục thông tin về giao dịch thứ cấp Chứng chỉ quỹ tại HOSE và các thông tin liên quan (bao gồm NAV, iNAV, Chỉ số tham chiếu) trên website của Thành viên lập quỹ;

50.2.9. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài Chính ban hành;

50.2.10. Thực hiện các hoạt động khác theo Hợp đồng lập quỹ xác lập với Công ty quản lý quỹ, Điều lệ này, Báo cáo bạch và theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm.

Điều 51. Tổ chức tạo lập thị trường

51.1. Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường. Trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng tạo lập thị trường, Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN bản sao hợp tạo lập thị trường.

51.2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng chỉ quỹ, có trách nhiệm mua, bán Chứng chỉ quỹ theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do các Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG X

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối

52.1. Đại lý phân phối là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.

52.2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật liên quan. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

52.3. Hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của Đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

52.4. Đại lý phân phối phải có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng chỉ quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 53. Hoạt động của Đại lý phân phối

Hoạt động của Đại lý phân phối bao gồm:

53.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.

- 53.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Thành viên lập quỹ và VSDC một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác; Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp lệnh được điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- 53.3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- 53.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thông kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ.
- 53.5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.
- 53.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 54. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ

- 54.1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
- 54.2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ, Bản cáo bạch, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ và Bản cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- 54.3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 54.4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi

giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

54.5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

54.6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ.

Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

54.7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.

54.8. Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

54.9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ khi phân phối Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

54.10. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối.

Điều 55. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối

55.1. Đại lý phân phối bị chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:

55.1.1. Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;

55.1.2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;

55.1.3. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

55.2. Địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:

55.2.1. Theo quyết định của Đại lý phân phối;

55.2.2. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

55.2.3. Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XI

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 56. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

- 56.1. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định..
- 56.2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- 56.2.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
 - 56.2.2. Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - 56.2.3. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ;
 - 56.2.4. Không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 57. Năm tài chính

Một Năm tài chính có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 59. Báo cáo tài chính

- 59.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- 59.2. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
- 59.3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng giám sát, từng thành viên Ban đại diện Quỹ và các Nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ này.
- 59.4. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 60. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà đầu tư các báo cáo về hoạt động của Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- 60.1. Báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ;
- 60.2. Báo cáo thống kê giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ;
- 60.3. Báo cáo định kỳ hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XII

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 61. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

- 61.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, trong đó:
- 61.1.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ;
 - 61.1.2. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành;
 - 61.1.3. Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ.
- 61.2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
- 61.2.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - 61.2.2. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 61.3. Sổ tay định giá và danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- 61.4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ của Quỹ định kỳ vào các ngày làm việc từ thứ Hai tới thứ Sáu hàng tuần và vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
- 61.5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- 61.6. Các Giá trị tài sản ròng quy định tại khoản 61.4 và 61.5 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong Ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày giao dịch tiếp theo.
- 61.7. Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV) được Công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định iNAV trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV

chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của HOSE.

- 61.8. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát để xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Sổ tay định giá, Điều lệ này và quy định pháp luật.
- 61.9. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng.
- 61.10. Trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- 61.11. Trong thời hạn ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.
- 61.12. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức quy định tại Phụ lục số XIX của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (có thể được sửa đổi hoặc điều chỉnh tùy từng thời điểm), đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE. Trường hợp vượt quá các mức nêu trên, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty quản lý quỹ, giải thích lý do và điều chỉnh danh mục để khắc phục tình trạng đó trong các thời hạn quy định tại Điều lệ của Quỹ và quy định của HOSE.

Điều 62. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

62.1. Nguyên tắc lựa chọn, tổ chức cung cấp báo giá:

- 62.1.1. Công ty quản lý quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá, tối thiểu gồm ba (03) tổ chức;
- 62.1.2. Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
- 62.1.3. Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Ban đại diện Quỹ thông qua.

62.2. Tiêu chí lựa chọn, tổ chức cung cấp báo giá:

- 62.2.1. Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam;
- 62.2.2. Không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

62.3. Thay đổi tổ chức cung cấp báo giá, chấm dứt cung cấp dịch vụ báo giá trong các trường hợp sau:

- 62.3.1. Theo đề nghị của tổ chức cung cấp báo giá;

62.3.2. Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ;

62.3.3. Tổ chức cung cấp báo giá không còn đáp ứng tiêu chí là tổ chức cung cấp báo giá.

Điều 63. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Sổ tay định giá. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng tuân thủ và phù hợp với các quy định pháp luật quỹ đầu tư chứng khoán, được quy định tại Phụ lục IV của Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.

Điều 64. Đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư

64.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai lệch từ một phần trăm (1%) Giá trị tài sản ròng trở lên, trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác.

64.2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

64.2.1. Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đã bán;

64.2.2. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

64.3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

64.3.1. Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

64.3.2. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

CHƯƠNG XIII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 65. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát là các chi phí do Quỹ trả, cụ thể như sau:

65.1. Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ:

Giá dịch vụ quản lý Quỹ là không phẩy tám phần trăm (0,8%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ tại các Ngày định giá được tính theo công thức như sau:

- $\text{Giá dịch vụ quản lý Quỹ} = 0,8\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

65.2. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính theo công thức như sau:

- $\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,05\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ lưu ký sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

65.3. Giá dịch vụ quản trị và giám sát

Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị và giám sát được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- $\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = 0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng.
- $\text{Giá dịch vụ giám sát quỹ} = 0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là năm triệu (5.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng

Ghi chú: đối với giá dịch vụ lưu ký, quản trị và giám sát: Biểu phí/giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) cho từng loại nghiệp vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý Quỹ cho Công ty quản lý quỹ; giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng giám sát; giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại phí hay giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

Điều 66. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

66.1. Cổ tức;

66.2. Lãi tiền gửi;

66.3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và

66.4. Các khoản thu nhập khác.

Điều 67. Chi phí hoạt động của Quỹ

67.1. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ được chi trả hàng tháng cho Đại lý chuyển nhượng. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng.

67.2. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu:

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu tối đa là không phải không sáu mươi lăm phần trăm (0,065%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là một trăm chín mươi lăm triệu (195.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

67.3. Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV):

Giá dịch vụ tính toán iNAV là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

67.4. Chi phí/giá dịch vụ trả cho Thành viên lập quỹ.

67.5. Chi phí/giá dịch vụ kiểm toán trả cho Công ty kiểm toán.

67.6. Chi phí/giá dịch vụ trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.

67.7. Chi phí/giá dịch vụ dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.

67.8. Thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ.

67.9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ.

67.10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

67.11. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.

67.12. Các chi phí khác theo quy định pháp luật.

67.13. Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác.

Điều 68. Phân chia lợi tức của Quỹ

68.1. Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ quỹ tương ứng của Nhà đầu tư, đảm bảo nguyên tắc:

68.1.1. Lợi tức phân phối cho các Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp luật;

68.1.2. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- 68.1.3. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo: (i) có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn; và (ii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 (bằng chữ: năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam;
- 68.1.4. Trong trường hợp phân chia lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân chia căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- 68.2. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư theo mẫu mà pháp luật quy định.
- 68.3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- 68.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư và cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung đối với thông tin, báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ.

CHƯƠNG XIV

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 69. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- 69.1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- 69.2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp nhất, sáp nhập Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 70. Chia, tách Quỹ

- 70.1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận
- 70.2. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình chia, tách Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 71. Giải thể Quỹ

- 71.1. Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) không được:
- 71.1.1. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - 71.1.2. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - 71.1.3. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - 71.1.4. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - 71.1.5. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- 71.2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

71.3. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm:

- 71.3.1. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;
 - 71.3.2. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể
 - 71.3.3. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- 71.4. Đại hội Nhà đầu tư chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- 71.5. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, Giá dịch vụ quản lý, Giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- 71.6. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.
- 71.7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư tại Quỹ. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- 71.7.1. Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - 71.7.2. Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - 71.7.3. Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.
- 71.8. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ quá nhỏ, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của HOSE hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- 71.9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có), Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- 71.10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định.
- 71.11. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu

giả mạo, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có), các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 72. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

72.1. Công ty quản lý quỹ phải:

72.1.1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

72.1.2. Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của các Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý.

72.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc/Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

72.3. Công ty quản lý quỹ phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 73. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

73.1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

73.1.1. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối;

73.1.2. Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

73.2. Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN các báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

73.2.1. Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ;

73.2.2. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của Quỹ;

73.2.3. Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý Quỹ;

73.2.4. Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của cá Quỹ.

73.3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và các báo cáo quy định tại khoản 73.2 Điều này.

73.4. Các tài liệu quy định tại khoản 73.2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử.

73.5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

74.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm, số thứ tự của các chương hoặc điều thì không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

74.2. Trong mọi trường hợp, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được báo cáo cho UBCKNN theo quy định pháp luật.

74.3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 75. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

75.1. Điều lệ này gồm 16 Chương, 75 Điều và 04 Phụ lục, được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

75.2. Các Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Đại lý phân phối và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ quỹ được coi là đã thông qua, đồng ý thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này (bao gồm nội dung sửa đổi, bổ sung trước thời điểm đăng ký mua Chứng chỉ quỹ).

75.3. Điều lệ này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó:

75.3.1. Hai (02) bản để đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định; và

75.3.2. Một (01) bản được lưu tại Công ty quản lý quỹ; và

75.3.3. Một (01) bản được lưu tại Ngân hàng giám sát.

75.4. Đính kèm cùng Điều lệ này là các Phụ lục sau:

75.4.1. Phụ lục 1: Cam kết của Công ty quản lý quỹ; và

75.4.2. Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát; và

75.4.3. Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;

75.4.4. Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



Họ và Tên: **Phạm Pho Hop**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí hay giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các Phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp mà pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT


Họ và Tên: **Phạm Pho Hòp**
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát theo quy định pháp luật để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**



Họ và Tên:

Chức vụ:

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỔ NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.

Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ và các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**



Họ và tên: **Phạm Pho Hop**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM - CN NAM KỲ KHỔ NGHĨA**



Họ và tên:

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

Chức vụ:

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, tại ngày trước Ngày định giá
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động tăng hoặc giảm lớn hơn một phần trăm (1%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua bình quân gia quyền nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất, thì giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua bình quân gia quyền cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua, hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Giá trung bình dựa trên báo giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan cung cấp. - Trường hợp không đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		

14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua cho từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.



